

Ernest Hemingway

MẶT TRỜI
VẪN MỌC

the sun also rises



Vàng Sơn

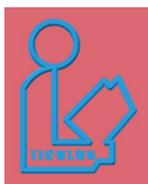
Quyển 1



MẶT TRỜI VẪN MỌC

Quyển 1

Ernest Hemingway



Paris * 02-2026

Nguồn : *Thư viện Tiểu Lùn*
Ebook : *Thư viện Tiểu Lùn*

MẶT TRỜI VẪN MỌC

ERNEST HEMINGWAY

Vàng Sơn
Sài Gòn * 1973

Mục lục

QUYỂN 1

Lời giới thiệu	9
1. Chương 1	15
2. Chương 2	30
3. Chương 3	48
4. Chương 4	85
5. Chương 5	119
6. Chương 6	136
7. Chương 7	173

Lời giới thiệu

:

The Sun Also Rises – Mặt Trời Vẫn Mọc được xuất bản vào năm 1926. Mặt Trời Vẫn Mọc mang tới cho người đọc hai câu chuyện: một câu chuyện về chiến tranh và một câu chuyện về tình yêu. Nhưng sự vắng mặt của những trường đoạn miêu tả cảnh chiến tranh (dù là trong hồi tưởng) và cảnh yêu đương nồng nàn lãng mạn trong các trang sách mới chính là điều

thực sự làm nên thành công của tác phẩm.

Bên cạnh đó văn phong đặc biệt của Hemingway theo kiểu viết báo khiến cho câu chuyện súc tích được xuyên suốt một cách có logic và đầy vẻ lạnh lùng. Cũng không thể không nhắc đến việc những hình ảnh tượng trưng trong tác phẩm luôn hàm chứa nhiều tầng lớp ý nghĩa mà người ta vẫn quen gọi là ‘phương pháp tảng băng trôi của Hemingway’ (Hemingway’s iceberg theory of narration & prose).... Chính những yếu tố này khiến cho cuốn tiểu thuyết đầu tay của ông được đánh giá cao nhất và được yêu thích nhất. (Điều mà theo nhiều người, ông không thể

vượt qua được chính mình cho tới tận tác phẩm *Ông già và biển cả*.)

Câu chuyện được truyền tải qua lời kể của nhân vật chính – Jake Barnes, người cựu chiến binh trở về từ cuộc Thế chiến I. Nhiều mất mát và tổn thương sâu từ cuộc chiến, Jake và những người lính cùng thế hệ trở thành kẻ lạc lõng giữa cuộc sống phần thịnh thời bình – nơi mà những người còn lại chưa từng bao giờ đặt chân vào lằn ranh khói lửa ấy vẫn luôn giữ một cái nhìn đầy ảo tưởng và lãng mạn hóa về chiến tranh và cuộc sống. Anh và những người bạn của mình chính là đại diện cho cái được gọi tên ‘thế hệ lạc lõng’ – cái mà Hemingway đã lột tả từ chính những trải nghiệm của cuộc đời ông. Những trải nghiệm

ấy đã giúp ông xây dựng nên một khung cảnh xã hội độc đáo và mãi mãi không thể nào quên trong Mặt Trời Vẫn Mọc: những ngày tháng triền miên nơi những quán café và những câu lạc bộ đêm ở đô thị của nước Pháp; những chuyến đi câu thư thái nơi miền quê êm ả bình yên; và cả những trận đấu bò đầy cuồng nhiệt trên đất Tây Ban Nha.

Nhưng trên tất cả, khóa lấp mọi địa điểm, mọi khuôn mặt, mọi tâm trạng, mọi cảm xúc là rượu, là sự trống rỗng, là sự hồi hộp mơ hồ đến vô mục đích của những con người đáng lý ra đã có thể trở thành tinh hoa của cả một thế hệ. Và ta nhận thấy sự hào hoa và mỹ lệ của những đêm Paris không ngủ và không khí hội hè bất tận đầy

quyến rũ của fiesta tại Pamplona chỉ đơn giản là một tấm màn che mỏng manh và hời hợt cho cuộc đời vô định và ý thức hủy hoại của những nhân vật như Jake Barnes, Brett Ashley, Micheal Campbell, Bill Morton, và cả Robert Cohn.

Trong *Mặt Trời Vẫn Mọc* có sự hiện hữu của bóng tối. Đó là nỗi thất vọng về đời sống và về chính bản thân mình; những đau khổ và dằn vặt mà bất kỳ một con người nào cũng phải đối mặt; những hành động vô mục đích; những phút giây yếu đuối của một con người; những định kiến thiên cận mà nối tiếp đó là sự hành xử thiếu công bằng và thiếu tôn trọng người khác; những khoảnh khắc ti tiện của ghen tuông và căm ghét và tham lam và ích kỷ

vẫn ẩn nấp đâu đó nơi góc khuất tâm hồn của nòi giống loài người.

Nhưng, cũng đúng như tên gọi của nó, trong bóng tối đầy rối loạn và tuyệt vọng ấy, vẫn còn có hy vọng, tình yêu, tình bạn, và tình người hiện hữu. Bởi một thế hệ sẽ nối tiếp cho một thế hệ; bởi những dòng sông con suối rồi sẽ lại trở về với biển cả bao la; và bởi mặt trời mọc đằng đông lặn đằng tây, nhưng mặt trời vẫn luôn tiếp tục cuộc hành trình mang tính chu kỳ của nó vào ngày kế tiếp. Cũng giống như trong cõi luân hồi, cái được sinh ra là sự tiếp nối cho cái đã mất đi. Và, đó mới đích thực là ý nghĩa của cuộc đời...

Chương 1

Robert Cohn từng là nhà vô địch hạng trung môn đấm bốc ở Princeton¹. Cho dù tôi cũng chẳng ấn tượng chi lắm với cái danh hiệu đó, nhưng nó lại có ý nghĩa rất lớn đối với Cohn. Gã cũng chẳng bận tâm mấy đến cái môn đấm bốc, nếu không muốn nói là ghét nó, nhưng gã đã tổn

¹ Princeton: trường đại học danh giá của Mỹ, thuộc nhóm Ivy League, nằm ở thị trấn Princeton gần New Jersey.

hao khá nhiều sinh lực để học cái môn này nhằm kháng cự lại cái cảm giác thấp kém và hổ thẹn khi bị đối xử như một tên Do Thái từ hồi còn ở Princeton. Chắc chắn có sự khuây khỏa nào đó khi biết rằng gã có thể đánh bại bất kỳ ai khinh thường mình, mặc dầu vậy, là một anh chàng khá rụt rè và tương đối dễ thương, gã chẳng bao giờ tham chiến bên ngoài phạm vi phòng tập. Gã là môn đệ cưng của Spider Kelly. Spider Kelly dạy dỗ tất cả các quý ông trẻ tuổi của mình đấm bốc theo kiểu võ sĩ hạng nhẹ, cho dù họ có nặng một trăm lẻ năm pound² hay hai trăm lẻ năm pound

² Pound hay cân Anh (viết tắt: lb, lbm, lbm) là một đơn vị đo khối lượng truyền thống của Anh, Hoa Kỳ và một số quốc gia khác. Hiện nay giá trị được quốc tế công nhận chính xác là: 1 pound = 0,45359237 kg.

đi nữa. Nhưng có vẻ như nó phát huy hiệu quả đối với Cohn. Gã rất nhanh nhẹn. Biểu hiện của gã tốt đến mức Spider có hơi trân trọng gã quá và kết quả là cái sống mũi cao cao của gã trở nên dẹp lép. Sự kiện này càng làm tăng thêm mối ác cảm trong Cohn đối với môn đấm bốc, nhưng nó cũng mang lại cho gã sự thỏa mãn nhất định, và làm thay đổi cấu trúc chiếc mũi của gã ít nhiều. Trong năm cuối ở Princeton gã đọc quá nhiều nên phải đeo kính. Tôi chưa từng chứng kiến một ai cùng học chung lớp mà có thể nhớ nổi ra gã. Họ còn chẳng thể nhớ nổi gã đã từng giành chức vô địch môn đấm bốc hạng trung.

Tôi thường không đặt lòng tin vào những kẻ bộc trực và đơn giản,

đặc biệt là khi các câu chuyện của họ xâu chuỗi được với nhau, và tôi luôn ngờ rằng có thể Robert Cohn chưa từng đoạt chức vô địch hạng trung môn đấm bốc, và rằng có thể một con ngựa nào đó từng đạp vào cái mặt gã, hoặc là cũng có thể bà mẹ gã từng một lần lên cơn khiếp đảm hoặc nhìn thấy phải một thứ gì đó, cũng có khi là gã bị ngã đập mặt vào một thứ gì đó hồi còn nhỏ xíu cũng nên, nhưng rất cuộc có một ai đó đã chứng thực với tôi câu chuyện từ Spider Kelly. Spider Kelly không chỉ còn nhớ được Cohn. Ông vẫn luôn quan tâm tới những chuyện xảy ra với gã.

Robert Cohn là thành viên, nhờ cha của hắn, của một trong những gia đình Do Thái giàu có

nhất New York, và nhờ mẹ hẳn là một trong những gia đình lâu đời nhất. Ở trường quân sự trước khi vào Princeton, gã chơi rất cừ trong đội bóng của trường, không một ai khiến gã phải bận tâm về vấn đề chủng tộc. Không một ai từng khiến gã cảm thấy mình là thằng Do Thái, và do vậy ở đó không có sự phân biệt đối xử nào cả, cho tới khi gã vào Princeton. Gã từng là một cậu chàng tử tế, một cậu chàng thân thiện, và nhút nhát, và điều này khiến gã cảm thấy cay đắng. Gã trút hết vào môn đấm bốc, và gã rời khỏi Princeton với cảm giác đau khổ về bản thân cùng với cái mũi gãy, và kết hôn với cô nàng đầu tiên đối xử tử tế với gã. Gã cưới vợ được năm năm, có ba đứa con, tiêu hết gần năm mươi

ngàn đô la mà ông bố để lại cho gã, phần bất động sản thì thuộc về bà mẹ, khó tiếp cận hơn bởi hậu quả của đời sống hôn nhân không hạnh phúc và vô vị của một quý bà giàu có; và chỉ khi gã đi đến quyết định bỏ vợ thì cô ta lại bỏ gã mà đi với một tay họa sĩ tiểu họa. Bởi vì gã đã phải dành ra hàng tháng trời để mà cân nhắc đến việc bỏ cô vợ này rồi quả quyết rằng mình không thể làm thế do tính tàn nhẫn của bản chất sự việc, sự ra đi của cô nàng là một cơn chấn động lành mạnh dành cho Cohn.

Vụ li dị được dàn xếp và Robert Cohn chuyển tới bờ Tây. Ở California, gã kết bạn với hàng tá người hoạt động trong lĩnh vực văn chương, và bởi gã vẫn còn lại

một ít từ số tiền năm mươi nghìn đô la, trong một thời gian ngắn gã trở thành cây viết bình luận cho tờ Arts. Bài bình luận giới thiệu các tác phẩm xuất bản từ Carmel, California, tới Provincetown, Massachusetts³. Cũng trong thời gian đó Cohn, người được chào đón đơn thuần như một thiên sứ, với cái tên gã xuất hiện trên trang biên tập trong vai trò của ban cố vấn, đã trở thành biên tập chính. Đó là tiền của gã và gã nhận ra mình cũng có hứng thú với quyền hạn của một nhà biên tập. Gã đã rất tiếc nuối khi cuốn tạp chí thành ra quá đắt đỏ và gã buộc lòng phải từ bỏ nó.

3 Carmel, California và Provincetown, Massachusetts: một thị trấn ở California nằm ở bờ biển phía bắc của Los Angeles, thị trấn kia ở Cape Cod. Đây là hai thị trấn rất cởi mở đối với các nghệ sĩ và nhà văn

Cũng trong thời gian đó, mặc dù, gã có những thứ khác cần phải lo lắng tới. Gã được chăm nom bởi bàn tay của một người phụ nữ nuôi hy vọng được rạng danh cùng tờ báo. Cô ta rất quyết đoán, và Cohn chưa từng có cơ hội thoát khỏi bàn tay chăm sóc đó. Ngoài ra gã cũng chắc chắn rằng mình yêu cô ta. Khi người phụ nữ này nhận thấy tờ tạp chí sẽ không phát triển được, cô ta trở nên hơi chán ghét Cohn và quyết định rằng cô nàng nên lấy đi những gì có thể trước khi quá muộn, vì thế cô ta nằng nặc rằng họ phải tới châu Âu, nơi mà Cohn có thể viết. Và họ tới châu Âu, nơi cô ả từng được thừa hưởng nền giáo dục, và ở lại đó trong ba năm. Trong ngần ấy thời gian, năm đầu tiên được dùng để đi du lịch, hai

năm còn lại dành cho Paris, Robert Cohn có hai người bạn, Braddocks và tôi. Braddocks là bạn văn của gã. Còn tôi là bạn chơi tennis.

Cô ả có được gã, tên là Frances, nhận ra vào cuối năm thứ hai rằng mình đã xuống sắc, và thái độ của cô ta đối với Robert đã chuyển biến từ sự sở hữu và khai thác vô tâm thành lòng quyết tâm tuyệt đối rằng gã phải cưới cô nàng. Trong suốt thời gian này bà mẹ của Robert đã thu xếp cho gã một khoản phụ cấp, khoảng ba trăm đô la mỗi tháng. Trong vòng hai năm rưỡi tôi không tin rằng Robert Cohn có để mắt đến người đàn bà nào khác. Gã gần như hạnh phúc, trừ việc, cũng giống như nhiều người khác sống ở châu Âu, gã thà sống ở Mỹ

còn hơn, và gã khám phá ra niềm vui viết lách. Gã hoàn thành cuốn tiểu thuyết đầu tay, và nó quả thật không đến nỗi tệ như lời đánh giá của các nhà phê bình sau đó, dù quả thực câu chuyện của gã có hơi quá nghèo nàn. Gã đọc rất nhiều sách, chơi bài, chơi tennis, và tập đấm bốc ở phòng tập.

Lần đầu tiên tôi nhìn ra thái độ của người đàn bà của gã đối với gã là vào một tối nọ sau khi cả ba chúng tôi vừa dùng bữa. Chúng tôi ăn tại quán l’Avenue và sau đó tới uống cà phê ở Café de Versailles. Chúng tôi uống rất nhiều fine⁴ sau khi dùng xong cà phê, và tôi nói rằng tôi phải đi thôi. Cohn nói về việc hai chúng tôi nên đi đâu đó

4 fine: (tiếng Pháp) rượu brandy, một loại rượu mạnh

vào dịp cuối tuần. Gã muốn ra khỏi thành phố và đi dạo đây đó. Tôi gợi ý nên bay tới Strasbourg⁵ và đi bộ đến Saint Odile⁶, hoặc một nơi nào đó hoặc chỗ nào khác ở Alsace⁷. “Tôi biết một cô nàng ở Strasbourg có thể làm hướng dẫn viên cho chúng ta,” tôi nói.

Có ai đó đá vào chân tôi từ dưới gầm bàn. Tôi cho rằng đó là một sự ngẫu nhiên và tiếp tục: “Cô ấy đã ở đó hai năm rồi và biết mọi thứ cần biết về thị trấn. Cô nàng rất được.”

5 Strasbourg: tên một thành phố có bến cảng ở đông bắc nước Pháp, phía trên Rhine.

6 Saint Odile hay St Odile of Alsace: nhà thờ thánh Odile. Odile (c. 662 – c. 720) là người được tôn thánh tại nhà thờ Thiên chúa La Mã.

7 Alsace: một di tích lịch sử ở đông bắc nước Pháp, nằm dưới sự kiểm soát của Đức trong thời kỳ 1871 đến 1919

Tôi lại bị đá lần nữa và, nhìn lên, thấy Frances, người đàn bà của Robert, cầm cô nàg vênh lên và khuôn mặt đanh lại.

“Chết tiệt,” tôi nói, “tại sao lại đi Strasbourg nhĩ? Chúng ta có thể đi Bruges⁸, hoặc là Ardennes⁹

Cohn nom nhẹ nhõm hẳn. Tôi không bị đá vào chân nữa. Tôi chào tạm biệt và rời đi. Cohn nói gã muốn mua một tờ báo và sẽ đi cùng tôi đến góc phố. “Vì Chúa,” gã nói, “tại sao cậu lại nhắc tới cô gái ở Strasbourg thế? Cậu không nhìn thấy Frances à?”

“Không, tại sao tôi phải để ý

8 Bruges: tên tiếng Pháp của thành phố nằm ở tây bắc nước Bỉ

9 Ardennes: một thung lũng và rừng cây nằm ở đông bắc nước Pháp, phía nam của Bỉ, và Luxembourg; nơi đây từng là mặt trận ác liệt trong Thế Chiến I.

đến cô ta? Nếu tôi quen một cô gái Mỹ sống ở Strasbourg thì liên quan quái gì đến Frances?”

“Chẳng có gì khác biệt đâu. Dù là cô nào đi nữa. Tôi không thể đi được, chỉ có vậy mà thôi.”

“Đừng có ngốc thế.”

“Cậu không biết Frances đâu. Không có cô nào cả. Cậu không thấy cái nhìn của cô ta à?”

“À, ừ,” tôi nói, “thế thì đi Senlis¹⁰ vậy.”

“Cậu đừng bực.”

“Tôi không bực. Senlis cũng tốt và chúng ta có thể ở lại Grand

¹⁰ Senlis: một thị trấn ở phía bắc nước Pháp, nằm ở phía bắc của Paris.

Cerf¹¹ và đi bộ vào rừng rồi quay về nhà.”

“Tốt, như thế cũng hay.”

“Được, thế thì mai tôi sẽ gặp cậu ở sân quần vợt” tôi nói.

“Chào Jake nhé,” gã bảo, và quay trở lại quán café.

“Cậu quên mua báo đấy,” tôi gọi lại.

“Cũng thế cả thôi.” Gã đi với tôi đến quầy báo nơi góc phố. “Cậu không bọc mình chứ, hả Jake?” Gã quay lại với tờ báo trong tay.

“Không, sao tôi lại phải bọc?”

“Gặp lại cậu sau nhé,” gã nói. Tôi nhìn gã quay trở lại quán café

¹¹ Grand Cerf: tên một khách sạn ở Senlis

với tờ báo trong tay. Tôi có phần nào ưa gã và rõ ràng là cô ả kia đang dặt mũi gã.

Chương 2

Mùa đông đó Robert Cohn đi khắp nước Mỹ với cuốn tiểu thuyết của gã, và nó được một nhà xuất bản khá tốt chấp nhận. Tôi nghe được rằng gã được đón nhận hết sức nồng nhiệt, và tôi cho rằng đó là khi Frances để mất gã, bởi vì có rất nhiều phụ nữ đối xử tử tế với gã ở New York, vì khi quay về gã có hơi thay đổi. Gã hào hứng về nước Mỹ hơn bao giờ hết, và gã

không còn hoàn toàn đơn giản, và gã cũng không còn quá dễ thương. Nhà xuất bản đã lảng xê cuốn tiểu thuyết của gã lên khá cao và điều này đi vào tâm gã. Và rồi nhiều phụ nữ tỏ ra tử tế với gã, và đường chân trời của gã đi dịch chuyển. Trong bốn năm trời đường chân trời của gã giới hạn nơi cô vợ cũ. Trong ba năm, hoặc là trong gần ba năm, gã chẳng thấy được bất cứ điều gì xa xôi hơn Frances. Tôi đoán chắc gã chưa từng nếm mùi vị thực sự của yêu đương trong đời.

Gã kết hôn nhằm phản ứng lại quãng thời gian ê chề mà gã phải trải qua nơi cổng trường đại học, và Frances có được gã do sự phản ứng trước khám phá rằng gã không phải là tất cả đối với cô vợ

đầu. Gã vẫn chưa rơi vào lưới tình nhưng gã nhận ra rằng gã cũng có đôi chút sức hút đối với phụ nữ, và sự thật về mối quan tâm của một người đàn bà tới gã và và mong muốn được chung sống cùng gã không chỉ đơn giản là một phép nhiệm màu. Điều này làm thay đổi gã, khiến gã không còn đáng mến khi ở bên nữa. Ngoài ra, gã cũng đặt cược lớn hơn khả năng của mình vào các ván đỏ đen với mấy người quen ở New York, gã đã giữ bài và thắng được hàng trăm đô la. Điều đó càng khiến gã đặc ý hơn trước trò đen đỏ, và gã cứ nói luôn về việc làm sao mà một người đàn ông có thể kiếm sống nhờ vào bài bạc nếu anh ta buộc lòng phải làm vậy.

Rồi còn có điều khác nữa. Gã bắt đầu đọc W.H. Hudson¹². Nghe có vẻ như là một hoạt động vô hại, nhưng Cohn thì cứ đọc đi đọc lại cuốn “The Purple Land¹³.” “The Purple Land” là một tác phẩm vô cùng dở nếu anh đọc nó vào thời điểm quá muộn trong đời. Nó nhắc đến những cuộc phiêu lưu tình ái

12 William Henry Hudson (1841–1922), một nhà văn có bố mẹ nuôi người Mỹ, trưởng thành ở Argentina.

13 The Purple Land (tạm dịch: Vùng Đất Tím): là cuốn tiểu thuyết lấy bối cảnh của đất nước Uruguay vào thế kỷ 19 của nhà văn W. H. Hudson, lần đầu tiên được xuất bản năm 1885 với tựa đề The Purple Land that England Lost. Lần xuất bản này đã gặp cả thất bại cả về mặt thương mại lẫn chuyên môn; trong lần tái bản vào năm 1904, cuốn sách được đổi tên thành The Purple Land, Being One Richard Lamb’s Adventures in the Banda Oriental, in South America, as told by Himself. Trong đoạn cuối của cuốn tiểu thuyết, cái tên của cuốn sách được giải thích bởi người kể chuyện: “Tôi sẽ gọi tên cuốn sách của mình là Vùng Đất Tím. Bởi đó là cái tên phù hợp hơn mà một người có thể tìm thấy cho một đất nước bị nhuốm bởi máu của những người con?”

giàu tưởng tượng của một quý ông
Ăng lê ở một vùng đất lãng mạn lạ
thường, mà ở đó các khung cảnh
được miêu tả vô cùng sống động.
Đối với một người đàn ông ở độ
tuổi ba mươi tư mà nói, việc xem
đó như là kim chỉ nam cho cuộc
đời mình thì cũng chẳng khác gì
việc một người đàn ông ở cùng độ
tuổi này đi thẳng tới Phố Wall¹⁴ từ
một tu viện ở Pháp, trang bị đầy
đủ với những thứ thiết thực hơn
hẳn những cuốn sách của Alger¹⁵.
Về phần Cohn, tôi tin rằng, gã nuốt

14 Phố Wall: trung tâm tài chính của thành phố New York, được đặt tên theo và là trung tâm của một khu vực gồm tám con phố chạy từ Broadway tới South Street ở bờ đông vùng Hạ Manhattan. Phố Wall thường được dùng để chỉ thị trường tài chính của nước Mỹ.

15 Horatio Alger (1832-1899), nhà văn người Mỹ chuyên viết truyện cho các bé trai. Truyện của ông thường kể về những cậu bé nghèo bỗng nhiên trở nên giàu có và được tôn vinh.

lấy từng lời trong cuốn “The Purple Land” với thái độ đầy ngưỡng mộ như đối với các báo cáo của R.G. Dun¹⁶. Anh hiểu ý tôi rồi đấy, gã cũng phân vân đôi chỗ, nhưng xét một cách tổng thể cuốn sách có ý nghĩa vô cùng to tát đối với gã. Cũng chỉ cần có thế để hạ gục gã. Tôi đã không nhận thấy được mức độ nghiêm trọng của vấn đề cho tới một ngày gã ghé thăm văn phòng làm việc của tôi.

“Chào Robert,” tôi nói. “Cậu có tin gì vui cho tôi hử?”

“Cậu có đi Nam Mỹ không Jake?”
gã hỏi.

16 R.G. Dun: trước đây là Dun & Bradstreet, một công ty chuyên cung cấp các thông tin và tình trạng tài chính cùng với xếp hạng tín dụng của các doanh nghiệp.

“Không.”

“Tại sao không?”

“Tôi cũng không biết. Tôi chưa bao giờ muốn đi cả. Đắt đỏ quá. Cậu có thể gặp người Nam Mỹ ngay tại Paris này nếu cậu muốn đấy thôi.”

“Họ không phải người Nam Mỹ chân chính đâu.”

“Họ rất thật đối với tôi.”

Tôi phải hoàn thành số báo của tuần này và gửi tới bến tàu đúng giờ xuất phát, mà mới chỉ xong có một nửa.

“Cậu có biết vấn đề nằm ở đâu không?” tôi hỏi gã.

“Không.”

“Không có ai trong đám người quen của cậu ly dị?”

“Không; nghe này, Jake. Nếu như tôi lo được chi phí cho cả hai ta, thì cậu đi Nam Mỹ cùng tôi nhé?”

“Sao lại là tôi?”

“Cậu có thể nói tiếng Tây Ban Nha. Và cả hai cùng đi thì sẽ vui hơn.”

“Không,” tôi từ chối. “Tôi thích nơi này và sẽ đi Tây Ban Nha vào mùa hè.”

“Cả đời tôi luôn ao ước những chuyến đi như thế,” Cohn nói. Gã ngồi xuống. “Tôi sợ là mình sẽ già trước khi thực hiện được quá.”

“Đừng ngốc nữa,” tôi bảo. “Cậu có thể đi bất kỳ đâu cậu muốn. Cậu có rất nhiều tiền.”

“Tôi biết. Nhưng tôi không thể bắt đầu.”

“Phấn chấn lên,” tôi nói. “Mọi đất nước đều giống như những bức hình động mà thôi cậu ạ.”

Nhưng tôi cảm thấy thương gã. Gã mong chờ điều ấy quá.

“Tôi không thể chịu nổi cái ý nghĩ rằng cuộc đời tôi trôi đi nhanh quá mà tôi thì chưa thực sự sống.”

“Chẳng có ai sống đời trọn vẹn trừ những gã đấu bò tốt đâu bạn ạ.”

“Tôi không ưa đấu bò tốt. Kiểu

đời sống ấy kỳ quặc quá. Tôi muốn đến các nước Nam Mỹ. Chúng ta có thể sẽ có một chuyến đi rất tuyệt.”

“Cậu có bao giờ nghĩ đến việc đi săn ở Đông Phi thuộc Anh¹⁷ chưa?”

“Không, tôi không thích.”

“Tôi sẽ đến đó với cậu.”

“Không; chẳng có gì thú vị cả.”

“Đây là vì cậu chưa từng đọc sách về chủ đề ấy. Cậu nên tìm đọc cuốn sách kể về tình yêu lãng mạn của nàng công chúa có làn da đen bóng ấy.”

“Tôi muốn đi Nam Mỹ.”

Gã sở hữu cái nét tính cách

17 Đông Phi thuộc Anh (British East Africa): tên gọi cũ của nước Kenya trong thời kỳ thuộc địa 1920-1963.

ương ngành đầy khó chịu của dòng giống Do Thái già.

“Mình xuống dưới nhà và làm một ly đi.”

“Cậu không làm việc à?”

“Không,” tôi trả lời. Chúng tôi xuống quán café ở tầng trệt. Tôi phát hiện ra rằng đó là cách tốt nhất để thoát khỏi mấy cuộc thăm viếng. Khi anh đã uống với họ một ly thì anh chỉ việc nói rằng: “Ồ, tôi phải quay lại đây, tôi quên mất không rút dây cáp,” và thế là xong. Việc phát hiện ra lối thoát thỏa đáng như thế là vô cùng quan trọng, đặc biệt là trong ngành báo chí, nơi mà việc không bao giờ tỏ ra tỏ ra như thể anh đang làm việc là một phần quan trọng của vấn đề đạo đức. Dù

sao, chúng tôi cũng đi xuống quầy bar dưới nhà và gọi whiskey với soda. Cohn nhìn những chai rượu dở ghi tên khách được đặt trên kệ. “Ở đây tốt thật,” gã nói.

“Có rất nhiều rượu,” tôi đồng tình.

“Nghe này, Jake,” gã dựa vào quầy bar. “Cậu đã bao giờ có cảm giác rằng cuộc đời cậu đang trôi đi và cậu chưa làm được gì nên hồn chưa? Cậu có bao giờ nhận thấy cậu đã tiêu tốn quá nửa thời gian của cuộc đời chưa?”

“Có, lúc nào cũng vậy.”

“Cậu có biết là trong hơn ba mươi năm năm nữa chúng ta sẽ chết không?”

“Có chuyện quái quỷ gì thế, Robert,” tôi nói. “Cái quái gì thế?”

“Tôi nghiêm túc đấy.”

“Tôi không quan tâm đến điều đó,” tôi nói.

“Cậu buộc phải vậy thôi.”

“Tôi có quá nhiều thứ phải lo ôi lẫn lúc này hay lúc khác. Tôi toàn sống trong lo lắng thôi cậu ạ.”

“Ôi, tôi muốn đi Nam Mỹ quá.”

“Nghe này, Robert, đi tới một đất nước khác cũng chẳng mang lại khác biệt gì đâu. Tôi đã thử cả rồi. Cậu không thể dứt bỏ bản thân chỉ bằng cách chuyển từ nơi này tới nơi khác. Điều ấy chẳng có nghĩa gì đâu.”

“Nhưng cậu chưa bao giờ tới Nam Mỹ.”

“Nam Mỹ cái con khỉ! Nếu cậu có tới đó thì cậu cũng chỉ cảm thấy như bây giờ mà thôi. Đây là một thành phố xinh đẹp. Sao cậu không bắt đầu sống cuộc đời mình ở Paris đi?”

“Tôi chán ngấy Paris, và tôi chán ngấy Quarter¹⁸ cậu ạ.”

“Thế thì tránh xa Quarter ra. Cậu hãy tự mình khám phá và xem điều gì sẽ xảy ra với mình.”

“Chẳng có gì xảy ra với tôi cả. Tôi từng đi bộ một mình suốt một đêm và chẳng có gì diễn ra trừ việc
18 Quarter hay Latin Quarter: một khu vực ở Paris, nằm ở phía nam sông Seine, nơi có nhiều nghệ sĩ và sinh viên sinh sống.

một tay cảnh sát đi xe đạp gọi tôi lại và kiểm tra giấy tờ.”

“Thành phố về đêm không đẹp sao?”

“Tôi không quan tâm tới Paris.”

Chuyện là như thế đấy. Tôi thấy tiếc cho gã, nhưng đấy là việc mà ta chẳng thể làm gì được, bởi vì anh đang phải chống lại hai sự bướng bỉnh trong cùng một lúc: Nam Mỹ có thể giải quyết vấn đề và gã không thích Paris. Gã lấy ý tưởng đầu tiên từ một cuốn sách nào đó, và tôi ngờ rằng ý tưởng thứ hai cũng đến từ một cuốn sách.

“Ôi,” tôi nói, “tôi phải lên lầu và rút dây cáp đây.”

“Cậu phải đi thật à?”

“Ừ, tôi phải tháo mấy cái dây cáp ra.”

“Tôi có thể lên trên ngòi không?”

“Không sao, cậu cứ lên đi.”

Gã ngòi đọc báo ở phòng ngoài, tờ Editor và Publisher và tôi làm việc say sưa trong hai giờ. Rồi tôi sắp xếp lại giấy tờ, đóng dấu, nhét chúng vào mấy chiếc phong bì làm từ sợi chuối và nhấn chuông gọi cho thằng bé dưới lầu bảo nó đưa thư tới Ga St. Lazare¹⁹. Tôi sang phòng bên kia, ở đây Robert Cohn ngủ thiếp đi trên chiếc tràng kỷ lớn. Đầu gã gối lên tay. Tôi không muốn đánh thức gã, nhưng tôi muốn đóng cửa văn phòng và ra

19 Ga St. Lazare: ga tàu hỏa nằm ở Quận 8 của Paris. Cả thành phố Paris được chia thành hai mươi quận.

ngoài. Tôi đặt tay lên vai gã. Gã lắc lư cái đầu. “Tôi không làm được,” gã lẩm bẩm, và dụi đầu sâu hơn vào cánh tay. “Tôi không thể làm được. Không gì có thể khiến tôi làm điều đó.”

“Robert,” tôi gọi, vỗ nhẹ vai gã. Gã nhìn lên. Mỉm cười và chớp mắt.

“Tôi có nói thành tiếng không?”

“Hình như là có. Nhưng không rõ lắm.”

“Chúa ơi, thật là một giấc mơ tồi tệ!”

“Tiếng máy đánh chữ làm cậu buồn ngủ à?”

“Chắc thế. Đêm qua tôi không ngủ được.”

“Sao thế?”

“Nói chuyện,” gã trả lời.

Tôi có thể hình dung ra được. Tôi nhiễm thói quen xấu về việc tưởng tượng cảnh giường chiếu của bạn bè. Chúng tôi tới quán Café Napolitain và gọi một ly apéritif²⁰ và ngắm nhìn đám đông trên đại lộ Boulevard²¹ bước vào buổi tối.

20 apéritif (tiếng Pháp): rượu khai vị, một loại rượu được uống trước bữa ăn nhằm kích thích vị giác.

21 Chỉ Boulevard St. Germain, nằm ở trung tâm của Latin Quarter ở Paris.

Chương 3

Đó là một tối mùa xuân ấm áp và tôi ngồi bên chiếc bàn nơi bậc thềm của quán Napolitain sau khi Robert rời đi, ngắm nhìn trời chuyển tối và những tấm bảng hiệu bắt đầu sáng đèn, và những cột đèn giao thông cứ chuyển tín hiệu từ màu xanh sang đỏ, và đám đông lướt qua, và những cỗ xe ngựa gõ lộc cộc trên mặt đường bên hàng xe taxi nối đuôi nhau, và

mấy ả poule²², một mình hoặc theo cặp, kiếm tìm một bữa tối. Tôi thấy một cô nàng xinh xắn lướt qua bàn mình và nhìn cô ta đi lên trên phố và lạc mất bóng, rồi thấy một cô khác, và cô gái đầu tiên quay trở lại. Cô lướt qua lần nữa và tôi bắt được ánh mắt cô nàng, và cô nàng tiến lại rồi ngồi xuống. Anh bời bước tới.

“À, em uống gì?” tôi hỏi.

“Pernod²³.”

“Thứ đấy không tốt cho mấy cô bé đâu.”

22 poule: (tiếng Pháp) gà mái, một từ lóng để chỉ gái điếm.

23 pernod: một loại rượu mùi có vị hồi của Pháp hoặc Tây Ban Nha.

“Cô bé cái đầu ông ý. Dites garçon, un pernod²⁴.”

“Thêm một ly như thế cho tôi.”

“Sao thế?” cô ta hỏi. “Ông đi dự tiệc à?”

“Ừ, em đi nhé?”

“Em không biết. Ông không chắc được điều gì ở cái thành phố này đâu.”

“Em không thích Paris à?”

“Không.”

“Thế sao em không đi đâu đó?”

“Chẳng có nơi nào cả.”

“Em hạnh phúc, thế là đủ.”

24 “Dites garçon, un pernod”: (tiếng Pháp) “Này, anh bồi, một pernod”

“Hạnh phúc cái quái gì!”

Pernod là một thứ chất lỏng màu xanh giống absinthe²⁵. Khi thêm nước vào nó chuyển sang màu sữa. Có vị như cảm thảo và có tính kích thích tốt, nhưng chỉ dừng lại ở đấy mà thôi. Chúng tôi ngồi và uống, và cô gái trông thật ủ rũ.

“À,” tôi nói, “em mời tôi đi ăn tối nhé?”

Cô nàng mỉm cười rạng rỡ và tôi nhận ra vì sao cô ta lại chẳng mấy khi cười. Rõ ràng khi mỉm môi cô nàng xinh hơn hẳn. Tôi trả tiền rượu và chúng tôi đi ra phố. Tôi gọi một chiếc xe ngựa và người

25 absinthe: một loại rượu có màu xanh, đắng và độc được chế từ cây ngải tây và hoa hồi, giờ đã bị cấm tại nhiều quốc gia.

lái xe dừng lại bên lề đường. Khi chúng tôi đã ngồi yên vị ở phía sau, chiếc xe ngựa chậm rãi và nhẹ nhàng đưa chúng tôi tới Avenue de l'Opéra²⁶, qua những cánh cửa đã khóa chặt của các cửa hàng, khung cửa sổ thì vẫn sáng ánh đèn, cả Đại lộ rộng lớn và sáng trưng và thừa thớt bóng người. Xe đi qua văn phòng tờ báo New York Herald[New York Herald: tên một tờ nhật báo đã bị giải thể.] với cửa sổ treo đầy những chiếc đồng hồ.

“Những cái đồng hồ này để làm gì thế?” cô nàng hỏi.

“Chúng cho biết giờ trên toàn nước Mỹ.”

26 Avenue de l'Opéra: Đại lộ Opera, một đại lộ chạy về phía tây nam từ Place de l'Opera tới Palais Royal, nằm ở bờ bên phải của con sông Seine, Paris.

“Ông đừng trêu em nhé.”

Chúng tôi rẽ ra ra khỏi Avenue tới đường Rue des Pyramides²⁷, băng qua cột đèn giao thông của đường Rue de Rivoli²⁸, và qua cánh cổng dẫn tới Tuileries [Tuileries: tên gọi đầy đủ là Jardin des Tuileries, một vườn hoa công cộng ở bờ bên phải của sông Seine]. Cô cuộn mình vào lòng tôi và tôi vòng tay quanh người cô. Cô ngược lên đặt một nụ hôn. Cô chạm vào tôi bằng một tay và tôi gạt tay cô ra.

“Đừng làm vậy.”

“Sao thế? Ông ồm à?”

“Ừ.”

“Ai cũng ồm cả. Em cũng thế.”

27 Rue des Pyramides: Đường Pyramide, con phố nối Avenue de l'Opera với Rue de Rivoli.

28 Rue de Rivoli: Đường Rivoli, một đại lộ dọc theo sông Seine, thuộc bờ bên phải.

Chúng tôi ra khỏi Tuileries và đi vào ánh sáng, dọc theo sông Seine và rẽ vào phố Rue de Saint Pères²⁹.

“Ông không được uống pernod đâu nếu như đang ốm.”

“Em cũng vậy.”

“Em thì không sao. Nó không ảnh hưởng tới phụ nữ.”

“Gọi em là gì nhỉ?”

“Georgette. Còn ông?”

“Jacob.”

“Đây là một cái tên Flamand³⁰.”

29 Rue de Saint Pères: Đường Thánh Peres, một con phố nằm dọc sông Seine, vuông góc với Boulevard St. Germain.

30 Flamand (tiếng Pháp): xứ Flanders, một cộng đồng thuộc Bỉ, và có diện tích bao trùm nước Bỉ, Pháp và Hà Lan. “Flanders” cũng được dùng để chỉ phần phía bắc của nước Bỉ bao gồm Brussels, Bruges, Ghent và Antwerp.

“Nó cũng là một cái tên Mỹ nữa.”

“Ông không phải là người Flamand đấy chứ?”

“Không, tôi là người Mỹ.”

“Tốt, em ghét mấy gã Flamand lắm.”

Lúc ấy chúng tôi đã tới nhà hàng. Tôi bảo cocher³¹ dừng lại. Chúng tôi bước xuống xe và Georgette không thích lối kiến trúc của nhà hàng. “Cái nhà hàng này chẳng có gì đặc biệt cả.”

“Không,” tôi nói. “Có thể là em nên tới Foyot thì hơn. Tại sao em không giữ chiếc xe lại và đến đó nhỉ?”

31 cocher: (tiếng Pháp) người lái xe

Tôi mang theo cô nàng bởi vì một giây phút nảy sinh thứ suy nghĩ ủy mị rằng sẽ tốt hơn cả nếu dùng bữa cùng một ai đó. Đã khá lâu rồi tôi mới ăn tối với một poule, và tôi đã quên khuấy mất cái lối ấy ngớ ngẩn đến nhường nào. Chúng tôi bước vào trong quán, lướt qua Madame³² Lavine bên quầy tính tiền và vào một căn phòng nhỏ. Georgette phấn khởi lên đôi chút với mấy món ăn.

“Ở đây không tệ lắm,” cô nàng nói. “Không được thời thượng lắm, nhưng thức ăn thì ổn.”

“Tốt hơn so với ăn ở Liège³³.”

32 Madame (tiếng Pháp): từ dùng để chỉ phụ nữ đã có chồng

33 Liège: một tỉnh ở phía đông nước Bỉ, bên sông Meuse.

“Ý ông là Brussels³⁴.”

Chúng tôi gọi một chai rượu nữa và Georgette kể một câu chuyện cười. Cô nàng mỉm cười và lộ hết mấy cái răng xấu, và chúng tôi chạm cốc.

“Ông không phải người xấu,” cô nàng nói. “Thật buồn là ông lại bệnh. Chúng mình rất hợp nhau. Chuyện gì đã xảy ra với ông vậy?”

“Tôi bị thương trong chiến tranh,” tôi trả lời.

“Ôi, cuộc chiến khốn kiếp.”

Chúng tôi có thể tiếp tục bàn luận về cuộc chiến và cùng đồng ý rằng trên thực tế đây là một thảm họa đối với nền văn minh nhân

34 Brussels: thủ đô của nước Bỉ, nằm ở miền trung của nước này.

loại, và có thể tốt nhất là nên tránh thật xa. Nhưng tôi đã chán đủ rồi. Ngay lúc đó có tiếng gọi vọng lại từ một gian phòng khác: “Barnes! Đúng là Barnes! Jacob Barnes!”

“Có một người bạn gọi tôi,” tôi giải thích, và bước ra khỏi phòng.

Braddocks ngồi bên chiếc bàn lớn với một hội: Cohn, Frances Clyne, bà Braddocks, và nhiều người khác mà tôi không quen.

“Anh đi nhảy chứ?” Braddocks hỏi.

“Nhảy gì?”

“Sao thế, nhảy ấy mà. Anh không biết là chúng tôi tổ chức lại rồi à?” bà Braddocks chen vào.

“Anh phải đi thôi, Jake ạ. Chúng tôi đều đi cả,” Frances nói từ đầu bàn bên kia. Cô ta nói chuyện với nụ cười nở trên môi.

“Dĩ nhiên anh ấy sẽ đi,” Braddocks nói. “Sang đây và dùng cà phê với chúng tôi nhé, Barnes.”

“Được thôi.”

“Gọi luôn cả bạn anh nữa,” bà Braddocks cười và nói. Bà là người Canada và có tất cả những đức tính dễ thương của họ.

“Cám ơn chị, chúng tôi sẽ sang ngay,” tôi đáp lời. Tôi quay trở lại căn phòng nhỏ.

“Bạn ông là ai thế?” Georgette hỏi.

“Nhà văn và nghệ sĩ.”

“Ở bên này sông họ đông lắm.”

“Quá nhiều ấy chứ.”

“Em cũng nghĩ thế. Thế mà, đến giờ vài người cũng kiếm được kha khá.”

“À, ừ.”

Chúng tôi dùng nốt bữa và uống hết chỗ rượu. “Đi nào, tôi nói. “Chúng mình sang uống cà phê với mọi người thôi.”

Georgette mở túi xách của cô nàng, dặm thêm chút phấn lên mặt với chiếc gương nhỏ trong tay, tô lại son, và vuốt lại tóc.

“Tốt rồi,” cô nàng nói.

Chúng tôi bước vào căn phòng đầy người và Braddocks và những đàn ông khác ngồi quanh bàn đứng hết dậy.

“Tôi xin hân hạnh được giới thiệu vị hôn thê của mình, quý cô Georgette Leblanc,” tôi cất tiếng. Georgette nở một nụ cười quyến rũ, và chúng tôi bắt với tất cả mọi người.

“Cô có liên quan gì đến Georgette Leblanc³⁵, cô ca sĩ không?” bà Braddocks hỏi.

³⁵ Georgette Leblanc (8/2/1875 - 27/10/1941), nữ nghệ sĩ opera giọng cao, diễn viên, nhà văn, và là chị gái của tiểu thuyết gia Maurice Leblanc. Bà nổi tiếng với những tác phẩm của Jules Massenet và vai diễn Carmen trong vở nhạc kịch cùng tên của Bizet. Leblanc cũng tham gia diễn xuất trong một số tác phẩm điện ảnh của Pháp, đáng chú ý nhất là xuất phẩm được thực hiện vào năm 1924 mang tên L'In-hunmaine. Về sau này, bà chuyển sang sáng tác, và đã xuất bản thành công hai cuốn hồi ký và rất nhiều sách thiếu nhi và sách du lịch.

“Connais pas³⁶,” Georgette trả lời.

“Nhưng các cô có cùng tên đấy,” bà Braddocks khẳng định một cách thân mật.

“Không ạ,” Georgette trả lời. “Chẳng có gì liên quan cả. Tên tôi là Hobin.”

“Nhưng ông Barnes đây giới thiệu cô là cô Georgette Leblanc. Chắc chắn như vậy,” bà Braddocks vẫn một mực quả quyết, bà ta thích nói tiếng Pháp mà có thể không có chút khái niệm nào về những điều mình đang nói.

“Anh ấy ngốc lắm,” Georgette trả lời.

36 Connais pas: (tiếng Pháp) Tôi không biết.

“Ồ, thì ra là một câu nói đùa,”
bà Braddocks nhận ra.

“Vâng,” Georgette nói. “Để cười
ấy mà.”

“Anh có nghe thấy không,
Henry?” bà Braddocks gọi ông
Braddocks từ bên kia chiếc bàn.
“Ông Barnes đây giới thiệu vị hôn
thê của mình là quý cô Leblanc, và
tên thật của cô ấy là Hobin.”

“Đúng vậy, em yêu. Cô Hobin,
anh biết cô ấy lâu lắm rồi.”

“Ồ, cô Hobin,” Frances Clyne
gọi, nói liền thoảng bằng tiếng
Pháp và không có vẻ tự hào và
gây ngạc nhiên như bà Braddocks
dù nó nghe ra quả thật giống như
tiếng Pháp thực thụ. “Cô ở Paris lâu

chưa? Cô có thích nơi đây không?
Cô yêu Paris chứ?”

“Bà ấy là ai thế?” Georgette quay sang tôi. “Em có phải nói chuyện với bà ấy không?”

Cô quay về phía Frances, đang ngồi đó mỉm cười, tay khoanh lại, cái đầu vươn thẳng trên chiếc cổ dài, môi cô nàng mấp máy như thể sẵn sàng lập lại câu hỏi lần nữa.

“Không chị ạ, tôi không thích Paris. Nơi này đất đỏ và bẩn thỉu quá.”

“Thế ư? Tôi lại thấy nó tuyệt đối sạch sẽ. Một trong những thành phố sạch sẽ nhất châu Âu này.”

“Tôi thì lại thấy nó bẩn.”

“Lạ thật đấy! Nhưng có thể bởi vì cô ở đây chưa lâu cũng nên.”

“Tôi ở đây cũng hơi lâu rồi.”

“Nhưng nơi này có nhiều người dễ thương lắm. Điều này thì ai cũng phải công nhận.”

Georgette quay sang tôi. “Ông có mấy người bạn dễ thương quá.”

Frances hơi ngà ngà say và muốn tiếp tục câu chuyện nhưng cà phê đã được dọn ra, cùng với Lavigne³⁷ và các loại rượu khác, sau đó chúng tôi rời đi và đến câu lạc bộ khiêu vũ của Braddocks.

Câu lạc bộ khiêu vũ là một bal musette³⁸ nằm trên đường Rue de

37 Lavigne: một thương hiệu rượu vang của Pháp.

38 bal musette: (tiếng Pháp) kiểu sàn nhảy ở Pháp mà nhạc được chơi bởi các nghệ sĩ phong cầm.

la Montagne Sainte Genevieve³⁹. Năm tối trong tuần nơi đây trở thành tụ điểm giải trí của những người lao động sinh sống ở quận Pantheon⁴⁰. Một tối trong tuần nó biến thành sàn nhảy. Tối thứ Hai thì đóng cửa. Khi chúng tôi đến nơi sàn nhảy vắng tanh, trừ một ông cảnh sát đang ngồi gần cửa, vợ của ông chủ câu lạc bộ đứng sau quầy bar mạ kẽm, và cả ông ta nữa. Cô con gái đi xuống dưới nhà khi chúng tôi bước vào. Trong quán kê những hàng ghế và bàn dài dọc theo căn phòng, và ở góc cuối cùng là sàn nhảy.

39 Rue de la Montagne Sainte Genevieve: một con phố ở Latin Quarter

40 Pantheon: quận ở bờ bên trái sông Seine với trung tâm là Pantheon, một “Thánh đường Danh vọng” nơi mà những tên tuổi lớn như Jean-Jacques Rousseau, Victor Hugo, Emila Zole, v.v được chôn cất

“Giá mà mọi người đến sớm hơn,” Braddocks nói. Cô con gái tiến tới và muốn biết chúng tôi uống gì. Ông chủ ngồi trên một chiếc ghế cao bên sàn nhảy và bắt đầu chơi phong cầm⁴¹. Ông ta đeo một dải chuông quanh một mắt cá chân và thi thoảng lắc chân khi đang chơi đàn. Mọi người đều nhảy. Không

41 phong cầm, đàn xếp hay accordion là một loại nhạc cụ cầm tay, dùng phương pháp bơm hơi từ hộp xếp bằng vải hay giấy, thổi hơi qua các van điều khiển bằng nút bấm đến các lưỡi gà bằng kim loại để phát ra tiếng nhạc. Loại phong cầm thông dụng có phần phím bấm bên tay phải cho tiếng cao (treble) với các thanh bấm như đàn piano và phần nút bấm bên tay trái cho tiếng trầm (bass). Giữa hai phần này là hộp xếp bằng vải hay giấy cứng. Người chơi đàn đeo phong cầm trên ngực với hai giây chằng trên vai. Tay phải bấm phím treble, tay trái vừa bấm nút tiếng bass vừa kéo hộp xếp ra vào để ép hơi. Hơi trong hộp giấy đẩy ra theo van của các nút hay thanh bấm, đi vào hệ thống lưỡi gà và tạo ra âm thanh. Khi hộp xếp được kéo ra, hơi từ bên ngoài bị hút vào và bị đẩy qua hệ thống lưỡi gà để tạo ra âm thanh khác.

khí nóng nực và chúng tôi toát mồ hôi khi bước ra khỏi sàn nhảy.

“Chúa ơi,” Georgette than.
“Đúng là một cái hộp!”

“Nóng quá.”

“Trời ạ, quá nóng!”

“Em hãy cởi mũ ra.”

“Thật là một ý hay.”

Ai đó mời Georgette nhảy, và tôi tiến tới quầy bar. Thực sự rất nóng và tiếng phong cầm nghe thật dịu dàng trong một đêm oi bức. Tôi gọi một chai bia, đứng ở cửa ra vào và hứng gió mát thổi tới từ con phố. Hai chiếc taxi đi xuống con dốc. Cả hai đều dừng lại trước cửa quán Bal. Một đám đông các

chàng trẻ tuổi, một số mặc áo nịt len và vài người chỉ mặc áo sơ mi, bước xuống. Tôi có thể nhìn thấy cánh tay của họ và những mái đầu vừa mới gội nhấp nhô trong ánh sáng tỏa ra từ khung cửa. Người cảnh sát đứng bên cửa nhìn tôi và mỉm cười. Họ bước vào, dưới ánh sáng đèn tôi nhìn thấy những cánh tay màu trắng, mái tóc gọn sóng, gương mặt màu trắng, nhãn nhó, ra điệu bộ, nói chuyện. Đi cùng với họ là Brett. Nàng thật yêu kiều và nàng thật hòa hợp cùng với họ.

Một người trong bọn nhìn thấy Georgette và nói: “Tôi dám chắc rằng. Đó là một ả điếm. Tôi sẽ nhảy với cô ta, Lett ạ. Cậu cứ chống mắt mà xem.”

Và anh chàng da đen cao lớn, tên Lett, trả lời: “Cậu đừng có ầu.”

Gã có mái tóc vàng gợn sóng đập lại: “Đừng lo, anh bạn.” Và đi cùng với họ là Brett.

Tôi thực tức giận. Không hiểu sao bọn họ luôn khiến tôi phát bực. Tôi biết họ chỉ có ý đùa, và trong hoàn cảnh đó anh cần phải vị tha, nhưng tôi những muốn tóm lấy, bất kỳ ai, hay bất cứ thứ gì, để mà lắc cho rơi rụng hết cái điệu cười bóng bẩy, cao sang kia. Thay vì vậy, tôi đi xuống phố và gọi một chai bia ở quán rượu kế bên Bal. Bia không được ngon và tôi phải gọi thêm một li cognac còn tệ hơn để xua đi cái vị kinh tởm trong miệng lúc ban đầu. Khi tôi quay trở lại Bal đã

thấy một đám đông trên sàn nhảy và Georgette thì đang nhảy với gã thanh niên cao dong dỏng có mái tóc vàng, gã nhảy kỳ cục, đầu ngả sang một bên, mắt gã nhướng lên trong lúc nhảy. Ngay khi nhạc vừa hết một người trong bọn họ lại tiến tới mời cô nhảy. Cô nàng được bọn họ xưng tụng như nữ hoàng. Tôi biết rõ rồi sau đó tất cả bọn họ đều sẽ nhảy với cô nàng. Và bọn họ đều thế cả mà thôi.

Tôi ngồi xuống bên một chiếc bàn. Cohn ngồi đó. Frances đang nhảy. Bà Braddocks dẫn theo ai đó tới và giới thiệu ông ta là Robert Prentiss. Ông ta đến từ New York qua đường Chicago, và là một tiểu thuyết gia mới nổi. Ông ta có kiểu

ngữ âm của người Anh. Tôi đề nghị được mời ông ta một ly.

“Xin cảm ơn bạn,” ông ta nói, “tôi vừa dùng rồi.”

“Ông làm thêm ly nữa nhé.”

“Cảm ơn, tôi không từ chối vậy.”

Tôi gọi cô con gái của ông chủ quán và gọi cho mỗi người một fine à l'eau⁴².

“Mọi người nói với tôi là ông đến từ thành phố Kansas,” ông ta bắt đầu.

“Vâng.”

“Ông có thấy Paris thật vui không?”

⁴² fine à l'eau: (tiếng Pháp) rượu mạnh pha loãng

“Vâng.”

“Thật ư?”

“Tôi hơi say. Không say theo nghĩa tích cực mà vừa đủ say để thành ra bất cần.

“Vì Chúa,” tôi nói, “đúng thế. Ông không thấy vậy à?”

“Ồ, ông thật đáng yêu khi tức giận,” ông ta nói. “Ước gì tôi cũng có cái năng khiếu ấy.”

Tôi đứng lên và đi ra sàn nhảy. Bà Braddocks chạy theo tôi. “Anh đừng bực mình với Robert nhé,” bà ta nói. “Ông ta còn trẻ con lắm, anh biết đấy.”

“Tôi không bực đâu,” tôi trả lời. “Tôi chỉ cho rằng tôi đang bị bỏ rơi đấy thôi.”

“Vị hôn thê của anh được mến mộ quá,” bà Braddocks nhìn về phía sàn nhảy nơi Georgette đang nhảy trong vòng tay của gã da đen cao lớn tên Lett.

“Không phải sao?” tôi nói.

“Đúng vậy,” bà Braddocks khẳng định.

Cohn bước lại. “Nào, Jake,” gã nói, “mình uống gì nhé.” Chúng tôi đi về phía quầy bar. “Cậu sao thế? Cậu như thế đang lo lắng chuyện gì ấy.”

“Không có gì. Máy trò này làm tôi ốm quá.”

Brett tiến về phía quầy bar.

“Xin chào, các chàng trai.”

“Xin chào, Brett,” tôi nói. “Sao tối nay em không say?”

“Em không bao giờ say nữa đâu. Em bảo này, anh mời bạn anh một ly brandy với soda xem nào.”

Nàng cầm ly rượu trong tay và tôi nhận ra Robert Cohn đang nhìn nàng. Gã có cái nhìn như thể cái hồi mà tổ tông nhà gã mới tìm ra vùng đất hứa⁴³. Cohn, dĩ nhiên, trẻ trung hơn nhiều. Nhưng gã có cái

43 Vùng đất hứa là vùng đất được hứa trao tặng bởi chúa trời, theo kinh Tanakh (theo Kinh của người Do Thái), cho người Israel, hậu duệ của Jacob. Lời hứa này ban đầu được dành cho Abraham (trong quyển đầu của kinh Cựu ước Genesis – “Chúa sáng tạo ra thế giới,” 15:18-21) và rồi được lặp lại đối với người con trai của ông ta là Issac, và với cả con trai của Issac là Jacob (Genesis 28:13), cháu nội của Abraham. Vùng đất hứa được miêu tả là khu vực lãnh thổ kéo dài từ Con sông Ai Cập tới sông Euphrates (Exodus 23:31) và sau đó được trao lại cho con cháu của họ sau sự kiện Exodus – sự kiện người Do Thái rời bỏ Ai Cập (Deuteronomy 1:8).

nhìn đầy háo hức, biểu thị sự kỳ vọng được ban thưởng xứng đáng.

Brett thật đẹp. Nàng diện một chiếc áo len nỉ chui đầu và chiếc đầm bằng vải tuyết, mái tóc chải ngược ra sau như một cậu trai. Nàng khởi đầu cho tất cả mọi thứ như thế. Cơ thể nàng toàn là mấy đường cong hoàn hảo như một chiếc thuyền buồm đua, và anh chẳng bỏ lỡ điều gì với chiếc áo len nỉ ấy.

“Brett ạ, em đi cùng một đám được đấy,” tôi nói.

“Bọn họ dễ thương không? Thế còn anh, anh thân yêu. Anh kiếm thứ kia ở đâu?”

“Quán Napolitain.”

“Và anh có một tối vui chứ?”

“Ôi, lố bịch lắm,” tôi trả lời.

Brett bật cười. “Anh bậy quá, Jake ạ. Đó là sự sỉ nhục đối với tất cả chúng mình. Hãy nhìn Frances kia, và Jo nữa.”

Câu này là vì Cohn.

“Thứ này không được phép hoạt động đâu đấy,” Brett nói. Nàng lại bật cười.

“Em quả là hoàn toàn tỉnh táo,” tôi nói.

“Vâng. Không đúng thế à? Và khi một người đi cùng với một đám như hội của em, thì người ta có thể uống mà vẫn bình an trở về anh ạ.”

Nhạc nổi lên và Robert Cohn

mời: “Cô vui lòng nhảy với tôi điệu này nhé, Phu nhân Brett?”

Brett mỉm cười với gã. “Tôi đã hứa nhảy với Jacob rồi,” nàng cười vang. “Anh có cái tên Thánh quá, Jake ạ.”

“Thế còn điệu kế tiếp?” Cohn hỏi.

“Chúng tôi sẽ vẫn nhảy với nhau,” Brett từ chối. “Chúng tôi đã có hẹn ở Montmartre⁴⁴.”

Lúc nhảy, tôi nhìn qua vai Brett và thấy Cohn, đứng bên quầy bar, vẫn đang nhìn nàng.

“Em lại hạ gục thêm một nạn nhân nữa,” tôi bảo nàng.

44 Montmartre: một quận ở Paris, nằm ở phía Bắc, nơi tập trung nhiều quán café và là nơi lui tới của nhiều nghệ sĩ.

“Đừng nói nữa. Anh chàng tội nghiệp. Em chẳng biết gì cả cho tới bây giờ.”

“Ôi,” tôi nói. “Anh cho rằng đó là sở thích của em.”

“Anh đừng nói chuyện như thằng ngốc thế.”

“Em đúng là thế mà.”

“Ừm. Nếu em như thế thì sao?”

“Không sao,” tôi nói. Chúng tôi nhảy theo tiếng đàn phong cầm, có ai đó đang chơi banjo⁴⁵. Căn phòng oi bức và tôi cảm thấy hạnh phúc. Chúng tôi tiến tới gần Georgette

45 banjo: một loại nhạc cụ có 4, 5 hoặc 6 dây đàn với hộp đàn hình tròn được làm bằng da hoặc nhựa. Loại đàn này có nguồn gốc từ châu Phi. Thường được chơi trong nhạc đồng quê, nhạc folk, nhạc dân tộc Ireland và nhạc bluegrass – một nhánh của nhạc đồng quê.

đang nhảy cùng một người khác.

“Điều gì khiến anh dắt theo cô nàng.”

“Anh chẳng biết, anh chỉ rủ cô ta đi cùng.”

“Anh lãng mạn kinh thật.”

“Không, anh thấy chán lắm.”

“Bây giờ?”

“Không phải lúc này.”

“Mình ra khỏi đây đi. Cô ta sẽ được chăm sóc tốt thôi.”

“Em muốn đi chứ?”

“Em có hỏi anh nếu như em không muốn làm thế không?”

Chúng tôi rời sàn nhảy và tôi

lấy áo khoác đang treo trên mắc và khoác lên người. Brett đứng bên quầy bar. Cohn đang cố nói chuyện với nàng. Tôi dừng lại trước quầy bar và hỏi xin một chiếc phong bì. Bà chủ tìm được một cái. Tôi lấy tờ năm mươi franc⁴⁶ ra khỏi ví, cho vào phong bì, dán lại, và đưa cho bà ta.

“Nếu cô gái đi cùng tôi tìm tôi, bà đưa cái này cho cô ấy nhé?” tôi dặn. “Nếu cô ta đi với ai đó trong số những ông kia, thì bà giữ cái này lại cho tôi được không?”

46 Franc Pháp, còn gọi đơn giản là Franc, là đơn vị tiền tệ cũ của Pháp trước khi được thay thế bởi đồng euro. Đồng Franc từng được sử dụng từ năm 1360 thay thế cho đồng livre trước đó, nhưng đến năm 1641 nó bị loại bỏ. Từ năm 1795, tiền Franc được sử dụng một lần nữa và tới 1999, nó bị thay thế bởi đồng euro.

“C’est entendu, Monsieur⁴⁷,” bà ta trả lời. “Ông đi bây giờ ạ? Vẫn còn sớm mà?”

“Vâng,” tôi trả lời.

Tôi bước ra cửa. Cohn vẫn đang nói chuyện với Brett. Nàng chào tạm biệt gã và khoác tay tôi. “Tạm biệt nhé, Cohn,” tôi nói. Ở ngoài phố chúng tôi cố gọi một chiếc taxi.

“Anh sẽ mất năm mươi franc,” Brett bảo.

“Ừ.”

“Chẳng có cái taxi nào cả.”

“Mình có thể đi bộ xuống Pantheon và gọi một chiếc.”

____ “Nào, chúng mình có thể làm
⁴⁷ C’est entendu, Monsieur: (tiếng Pháp) Hiểu rồi, thưa ông.

một ly ở quán bên cạnh trong lúc chờ xe.”

“Em không muốn đi xuống phố à.”

“Không đâu.”

Chúng tôi vào quán bar bên cạnh và tôi bảo anh bồi gọi một chiếc taxi.

“Ồ,” tôi nói, “giờ thì mình đã thoát khỏi họ.”

Chúng tôi đứng bên quầy bar và chẳng nói năng gì và nhìn vào mắt nhau. Anh bồi quay lại và nói rằng xe đang đợi bên ngoài. Brett nắm chặt tay tôi. Tôi cho anh bồi một franc và chúng tôi bước ra khỏi quán. “Anh bảo anh đi đâu đây?” tôi hỏi.

“Ôi, anh cứ bảo anh ta đi loanh quanh thôi.”

Tôi bảo bác tài tới Parc Montsouris⁴⁸, và ngồi vào xe rồi đóng cửa lại. Brett ngồi dựa vào một góc, mắt nàng nhắm lại. Tôi ngồi sát bên nàng. Chiếc xe giật mạnh một cái khi khởi động.

“Ôi, anh yêu, em khỏi quá,” Brett thốt lên.

48 Parc Montsouris: công viên công cộng ở Quận 14 của Paris, nằm ở bờ bên trái sông Seine. Công viên rộng 15 ha, được thiết kế theo kiểu vườn của Anh rất thịnh hành vào thế kỷ 19.

Chương 4

Xe bò lên đồi, vượt qua quảng trường rực sáng, rồi đi vào vùng tối, vẫn đi lên cao, đi qua quãng đường bằng phẳng vào một con phố tối om phía sau St. Etienne du Mont⁴⁹, đi xuống êm ru trên lớp nhựa đường, qua những hàng cây và xe buýt đỗ ở Place de la Contrescarpe⁵⁰, rồi đi vào con

49 St. Etienne du Mont: một nhà thờ nằm trên đỉnh đồi phía đông bắc của Pantheon, trong Latin Quarter ở Paris

50 Place de la Contrescarpe, Rue Mouffetard, Ave-

đường rải sỏi Rue Mouffetard⁵¹. Các quán bar và những cửa hàng mở muện sáng trung ánh đèn năm hai bên đường. Chúng tôi ngồi cách xa nhau và một cú nẩy bật vì sóc làm chúng tôi xích lại gần nhau khi rẽ vào một con phố cổ. Mũ Brett rơi xuống. Đầu nàng ngửa ra sau. Tôi nhìn thấy gương mặt nàng trong ánh sáng phát ra từ một cửa hiệu còn mở cửa, rồi lại tối, rồi tôi lại nhìn rõ được khuôn mặt nàng khi chúng tôi đi ra đến đại lộ Avenue des Gobelins⁵². Con đường bị đào bới nghiêm trọng và những người công nhân đang làm việc bên phần đường dành cho ô tô trong ánh

nue des Gobelins: những phố nằm giữa St. Etienne du Mont và Parc Montsouris, thuộc bờ bên trái sông Seine.

51 như trên

52 như trên

sáng acetylene của đèn rọi. Khuôn mặt Brett trắng bệch và cổ nàng lộ ra dưới ánh sáng chói của ánh đèn đêm. Con đường lại tối trở lại và tôi ghé môi hôn nàng. Môi chúng tôi dính chặt vào nhau và rồi nàng quay đi và dúi người vào góc ghế, xa nhất có thể. Đầu nàng gục xuống.

“Đừng chạm vào em,” nàng rên rỉ. “Xin anh đừng chạm vào em.”

“Sao thế em?”

“Em không chịu được.”

“Ôi, Brett.”

“Anh không phải làm thế đâu. Anh biết mà. Em không chịu được, thế thôi. Ôi, anh yêu, anh hãy hiểu cho em!”

“Em không yêu anh ư?”

“Yêu anh? Em mềm nhũn cả người ra khi anh chạm vào em.”

“Mình có thể làm được gì không?”

Giờ nàng ngồi thẳng dậy. Tôi vòng tay ôm nàng, và nàng lại dựa vào ngực tôi, và chúng tôi cảm thấy yên ổn. Nàng nhìn vào mắt tôi với cái nhìn khiến anh phân vân rằng liệu nàng có thấy được gì bằng đôi mắt đó. Chúng vẫn duy trì ánh nhìn như vậy cho dù mọi đôi mắt trên thế gian này đều đã khép lại. Nàng cứ nhìn như thể không có thứ gì trên đời này có thể ngăn nàng khỏi cái nhìn ấy, và thực sự nàng lo sợ quá nhiều điều.

“Và chúng mình chẳng thể làm gì được,” tôi nói.

“Em không biết nữa,” nàng trả lời. “Em không muốn chịu đựng điều ấy thêm nữa.”

“Chúng mình nên xa nhau thì hơn.”

“Nhưng, anh yêu, em phải gặp anh. Anh không biết hết mọi chuyện đâu.”

“Không, nhưng đó là điều không thể tránh khỏi.”

“Đấy là lỗi của em. Chẳng phải là chúng ta đều phải trả giá cho những việc mình làm đấy hay sao?”

Nàng không rời mắt khỏi tôi. Mắt nàng có những độ sâu khác

nhau, đôi khi chúng trở nên hoàn toàn nông cạn. Còn lúc này anh có thể nhìn vào trong vô tận của đôi mắt ấy.

“Đôi khi em nghĩ về cái địa ngục mà em đã đẩy người khác rơi vào. Giờ đây em đang phải trả giá.”

“Em đừng ngốc nữa,” tôi nói. “Mà điều xảy ra với anh thì đúng là nực cười. Anh không bao giờ nghĩ về điều này.”

“Ôi, không. Em xin anh đừng nói vậy.”

“Ừ, mình đừng nói về điều này nữa.”

“Bản thân em cũng từng cười nhạo nó, một lần.” Nàng không nhìn tôi nữa. “Một người bạn của

anh trai em đến thăm nhà từ Mons. Nó giống như một câu chuyện cười. Con người ta chẳng biết cái gì cả, đúng không?”

“Không,” tôi nói. “Chẳng có ai biết cái gì cả.”

Tôi xoay sở khá tốt với cái chủ đề này. Lúc này hay lúc khác tôi có thể xem xét nó từ hầu hết các góc độ khác nhau, bao gồm cả khía cạnh những vết thương cụ thể hoặc sự không hoàn hảo là một chủ đề vui đùa mà có tính chất khá là nghiêm trọng đối với nhân vật chính.

“Cũng khôi hài mà,” tôi nói. “Rất buồn cười. Và ngay cả chuyện yêu đương nữa, cũng vui.”

“Anh nghĩ thế ư?” đôi mắt nàng lại thật nông.

“Anh không ám chỉ vui theo nghĩa đó. Mà ý anh là cảm giác của sự vui sướng.”

“Không,” nàng nói. “Em nghĩ nó là địa ngục trần gian.”

“Được gặp gỡ nhau là một điều tốt.”

“Không. Em không nghĩ vậy.”

“Em không muốn thế ư?”

“Em phải nghĩ như vậy.”

Chúng tôi ngồi với nhau như hai người xa lạ. Bên phải là Parc Montsouris. Một nhà hàng mà họ có cả một bể những con cá hồi hầy còn đang bơi lội tung tăng và là nơi anh có thể ngồi xuống và nhìn ra công viên lúc này đã đóng cửa

và chìm trong bóng tối. Người lái xe quay đầu lại.

“Em muốn đi đâu?” tôi hỏi. Brett quay mặt đi.

“Ôi, đến quán Select⁵³ đi.”

“Café Select,” tôi nói với người tài xế. “Boulevard Montparnasse⁵⁴.” Chúng tôi đi xuôi xuống, vòng quanh Lion de Belfort⁵⁵ nơi những

53 Select: một quán café ở quận Montparnasse, ở phía tây nam của Latin Quarter bên bờ trái sông Seine.

54 Boulevard Montparnasse: con đường ở trung tâm quận Montparnasse

55 Lion de Belfort: tượng đài điêu khắc bởi Frédéric Bartholdi, tác giả của bức tượng Nữ thần tự do ở New York. Tượng đài này dài 22m và cao 11m, được đặt ở Belfort, Pháp. Được hoàn thành vào năm 1880 và được chạm khắc từ sa thạch. Bức tượng được điêu khắc tại nơi khai thác đá và chuyển tới trung bày dưới chân lâu đài Belfort. Con sư tử là biểu tượng anh hùng cho sự hào hùng của người dân Pháp dưới thời lãnh chúa Belfort trong trận chiến chống xâm lược của 4000 người dân địa phương trong 103 ngày. Ở Paris (Pháp) và Montreal (Cana-

người lính đi tuần đang băng ngang qua đường xe điện Montrouge⁵⁶. Brett nhìn thẳng về phía trước.

Tại Boulevard Raspail⁵⁷, với ánh sáng từ Montparnasse ở một bên, Brett nói: “Anh có buồn không nếu em hỏi anh điều này?”

“Em đừng ngốc chứ.”

“Anh hôn em một lần nữa nhé trước khi mình đến đây.”

Xe dừng lại, tôi bước xuống và trả tiền. Brett nhích ra và đội mũ lên. Nàng đưa tay cho tôi và

da) đều có trưng bày phiên bản nhỏ hơn của tác phẩm này.

56 Montrouge: khu dân cư ở phía nam ngoại ô Paris, cách trung tâm Paris 4,4 km. Đây từng là khu vực có mật độ dân cư đông đúc nhất châu Âu.

57 Boulevard Raspail: một đại lộ nối Boulevard St. Germain với Boulevard du Montparnasse, nằm ở bờ bên trái của sông Seine.

bước xuống. Bàn tay nàng run run. “Em bảo này, trông em có tệ lắm không?” Nàng bỏ chiếc mũ kiểu đàn ông xuống và tiến về phía quầy bar. Bên trong, bên quầy bar và các bàn, là phần lớn những người có mặt tại sàn nhảy khi này.

“Xin chào, các bạn,” Brett cất tiếng. “Tôi tới đây làm một ly.”

“Ôi! Brett! Brett!” gã họa sĩ vẽ chân dung người Hi Lạp nhỏ thó, tự gọi mình là Công tước, và mọi người thì gọi gã là Zizi, bước tới chỗ nàng. “Tôi nói cô nghe chuyện này hay lắm.”

“Chào Zizi,” Brett nói.

“Tôi muốn cô gặp một người bạn,” Zizi nói. Một người đàn ông to béo tiến tới.

“Bá tước Mippipopolous, xin hãy gặp bạn tôi Phu nhân Ashley.”

“Xin chào ngài,” Brett nói.

“Ồ, Phu nhân đây thấy vui khi ở Paris chứ?” ông Bá tước tên Mippipopolous, người có một cái răng nai Bắc Âu treo trên dây đeo đồng hồ, hỏi.

“Vâng, đúng vậy,” Brett trả lời.

“Paris là một thành phố rất được,” ông Bá tước nói. “Nhưng tôi đoán cô sẽ hạnh phúc hơn nếu ở London.”

“À, vâng,” Brett nói. “Hơn nhiều lắm.”

Braddocks gọi tôi từ một chiếc bàn. “Barnes,” ông ta nói, “qua đây

làm một ly nào. Cái cô gái đi cùng anh có một vụ khá ầm ĩ đấy.”

“Có chuyện gì thế?”

“Cô con gái ông chủ quán nói gì đó. Một vụ ầm ĩ lạ. Cô ta cũng hoành tráng lắm, anh biết đấy. Trình cái thẻ vàng của cô ả ra và cũng yêu cầu như thế với cô con gái ông chủ quán. Nhặng xì hết cả lên.”

“Thế cuối cùng thì sao?”

“À, có ai đó đưa cô ta về. Nhìn cô nàng không tệ đâu. Biết rất nhiều những câu thạo đời đầy thông thái. Ngồi lại uống với tôi một ly nhé!”

“Thôi,” tôi nói. “Tôi phải về đây. Anh có thấy Cohn không?”

“Anh ấy về nhà với Frances rồi,” bà Braddocks chen vào.

“Ông bạn tội nghiệp, anh ta trông ủ ê lắm,” Braddocks nói.

“Em cũng nghĩ vậy,” bà Braddocks nói.

“Thôi tôi phải đi đây,” tôi nói.
“Chào nhé.”

Tôi chào tạm biệt Brett nơi quầy bar. Ông Bá tước đang mua một chai rượu champagne. “Ngài làm một ly với chúng tôi, ngài nhé?” ông ta mời.

“Thôi ạ, cảm ơn ông quá. Nhưng tôi phải đi thôi.”

“Anh đi thật à?” Brett hỏi.

“Ừ,” tôi trả lời. “Anh thấy đau đầu quá.”

“Mai em gặp anh nhé?”

“Em qua văn phòng anh nhé.”

“Có lẽ là không.”

“Ờ, thế mai anh gặp em ở đâu?”

“Chỗ nào cũng được vào khoảng năm giờ.”

“Thế thì mình gặp nhau ở bên kia thành phố vậy.”

“Được đấy. Em sẽ có mặt ở Crillon⁵⁸ lúc năm giờ.”

“Em cố gắng có mặt nhé,” tôi nói.

58 Crillon: quán bar Bar du Crillon nằm trong khách sạn Hôtel du Crillon, đối diện với Đại sứ quán Mỹ trên đường Place de la Concorde. Đây là một trong những khách sạn lớn nhất châu Âu.

“Anh đừng lo,” Brett trả lời. “Em đã bao giờ phụ lòng anh chưa?”

“Có tin tức gì từ Mike không?”

“Anh ấy vừa gửi thư ngày hôm nay.”

“Xin chúc ngài ngủ ngon,” Bá tước chào tạm biệt tôi.

Tôi bước ra đường, đi bộ xuống đại lộ Boulevard St. Michel⁵⁹, bước qua những chiếc bàn của quán Rotonde, lúc này vẫn còn đông đúc, nhìn sang bên kia đường là quán Dome, bàn ghế tràn ra tận mép đường. Có ai đó vẫy tôi từ mấy chiếc bàn, tôi không nhìn ra được là ai và đi tiếp. Tôi muốn trở về nhà. Đại lộ Montparnasse vắng

⁵⁹ Boulevard St. Michel: một đại lộ nối liền Montparnasse với Latin Quarter.

tanh. Quán Lavinge đã đóng cửa, và họ đang dọn dẹp bàn ghế bên ngoài quán Closerie des Lilas. Tôi đi qua bức tượng tượng Ney⁶⁰ đứng giữa những hàng cây dẻ ngựa mới thay lá trong ánh sáng đèn hồ quang. Có một tràng hoa màu tím được đặt bên chân tượng. Tôi dừng lại và đọc lời giới thiệu trên bia khắc: từ nhóm Bonapartist⁶¹, đề một ngày nào đó mà tôi đã quên mất. Ông ta trông rất ổn, Marshal Ney trong đôi giày ống cao, giương cao cây kiếm của mình giữa những tán cây dẻ ngựa. Căn hộ của tôi nằm ngay phía bên kia đường, bên dưới đại lộ St. Michel.

60 Michel Ney: Duc D'Elchingen, Prince de La Moskova (1769-1815); thường được gọi là Marshal Ney, ông là nhà chỉ huy quân sự Pháp dưới thời Napoleon I. Ông bị hành quyết sau khi Napoleon bị phế ngôi.

61 Nhóm Bonapartist: nhóm những người ủng hộ vương triều Bonaparte ở Pháp.

Phòng của bà gác cổng vẫn sáng đèn và tôi gõ vào cánh cửa và bà ta đưa thư cho tôi. Tôi chúc bà ngủ ngon rồi lên lầu. Có hai bức thư và vài tờ báo. Tôi đọc chúng dưới ánh sáng đèn gas trong phòng ăn. Thư từ được gửi đi từ nước Mỹ. Một trong số chúng là bản sao kê ngân hàng. Tài khoản của tôi còn \$2.432,60. Tôi lấy ra quyển sổ thu chi và trừ đi bốn khoản chi từ hồi đầu tháng, và phát hiện số dư của tôi hiện giờ là \$1.832,60. Tôi ghi lại con số này vào mặt sau của tờ sao kê. Bức thư kia là giấy báo hỷ. Ông và bà Aloysius Kirby thông báo về đám cưới của cô con gái Katherine của họ – tôi chẳng biết cô gái cũng như người đàn ông mà cô ta lấy làm chồng. Họ hẳn phải gửi thông báo cho cả thành phố. Cái tên này

nghe cũng nhận. Chắc chắn là tôi có thể nhớ được bất kỳ ai có cái tên như Aloysius. Đây là một cái tên Thiên chúa hay. Trên giấy báo hỷ có đóng dấu gia huy. Cũng giống như Zizi Công tước Hy Lạp. Và cái ông Bá tước kia nữa. Cái ông Bá tước ấy kể cũng vui thật. Ngay đến cả Brett cũng có tước hiệu. Phu nhân Ashley. Mặc em Brett. Mặc xác em, Phu nhân Ashley.

Tôi bật chiếc đèn ngủ bên giường, tắt đèn gas, và mở toang cửa sổ. Giường cách xa hẳn cửa sổ, tôi ngồi xuống giường với cửa sổ mở toang và bắt đầu cởi quần áo. Từ không gian bên ngoài kia vọng lại tiếng đoàn tàu đêm, tiếng xe chạy trên đường, mang theo rau quả ra chợ bán. Buổi đêm thật

ồn ào mỗi khi anh không thể chìm vào giấc ngủ. Cởi xong quần áo, tôi nhìn mình trong gương nơi chiếc tủ quần áo lớn đặt cạnh giường. Đó là phong cách trang trí nhà cửa rất đặc trưng của người Pháp. Cũng thực tế nữa, tôi cho là vậy. Trong tất cả các cách thức để bị thương. Tôi cho rằng điều này cũng có tính hài hước nhất định. Tôi mặc vào bộ pajamas và leo lên giường. Tôi có hai tờ tạp chí về đấu bò, tôi gỡ ra lớp giấy bọc. Một cái có màu cam. Còn cái kia thì màu vàng. Chúng đều đưa thứ tin tức như nhau, nên nếu đọc tờ nào trước thì cũng coi như là vứt tờ kia đi. Tờ Le Toril⁶² thì hay hơn, nên tôi bắt đầu đọc nó. Tôi đọc cả tờ báo, kể

62 Le Toril: một tờ tạp chí định kỳ về đấu bò tót

cả mục Petite Correspondance⁶³ và Cornigrams⁶⁴. Tôi tắt đèn. Tôi có thể sẽ chìm vào giấc ngủ.

Đầu óc tôi bắt đầu hoạt động. Những than trách cũ kỹ. Chao, thật là một cách thức thối tha để bị thương và trở thành một thứ chủ đề của những lời bốn cột nơi mặt trận nước Ý. Trong bệnh viện ở Ý chúng tôi đã hình thành được cả một cộng đồng. Nó có một cái tên Ý rất hài hước. Tôi phân vân không biết những người khác ra sao, những người Ý ấy. Đó là ở Ospedale Maggiore⁶⁵ ở Milano,

63 Petite Correspondance: (tiếng Pháp) Thư gửi ban biên tập

64 Cornigrams: Các trang thiết bị phục vụ môn đấu bò tót

65 Ospedale Maggiore: một bệnh viện lớn ở Milan, bệnh viện này cũng xuất hiện trong tác phẩm Giã Từ Vũ Khí của Hemingway.

Padiglione Ponte⁶⁶. Tòa nhà tiếp theo là Padiglione Zonda⁶⁷. Có một bức tượng Ponte, hoặc cũng có thể là Zonda. Đó là nơi ông sĩ quan thông tin tới thăm tôi. Điều đó cũng nực cười nữa. Đó là chuyện nực cười đầu tiên. Tôi bị băng bó khắp người. Nhưng họ phải báo cáo chuyện đó với ông ta. Rồi ông ta có một bài diễn thuyết hoành tráng: “Anh, một người nước ngoài, một người Anh” (bất kỳ một gã ngoại quốc nào cũng là người Anh “đã hi sinh nhiều hơn cả cuộc đời của anh.” Đúng là một bài diễn thuyết! Tôi ước sao có thể mô phỏng lại nó và lồng khung kính rồi trưng trong văn phòng mình. Ông ta không hề cười. Ông ta đã đặt bản thân mình

66 Padiglione Ponte: Ponte Pavilion, là nơi mà Jake được điều trị khi bị thương.

67 Padiglione Zonda: một bệnh viện dã chiến khác

vào vị trí của tôi, chắc là vậy. “Che mala fortuna⁶⁸! Che mala fortuna!”

Tôi chưa từng nhận ra điều đó, tôi đoán vậy. Tôi cố gắng và bõn cợt nó và chỉ mong không gây phiền tới người khác. Cũng có thể tôi sẽ chẳng bao giờ dính vào rắc rối nếu như tôi không gặp Brett khi họ đưa tôi tới Anh. Tôi nghĩ nàng chỉ muốn những gì mà nàng không thể có được. Ôi, người ta ai cũng thế cả thôi. Mặc xác bọn họ. Nhà thờ Thiên chúa giáo luôn có biện pháp hiệu quả cho những vấn đề như thế này. Dù sao cũng là những lời khuyên tốt. Không cần phải lăn tăn đến điều ấy. Ôi, đấy đúng là lời

68 Che mala fortuna! (tiếng Ý) Như thế này đã là may lắm rồi!

khuyên tuyệt vời. Đôi khi cố gắng và nhận lấy nó. Cố gắng và nhận lấy.

Tôi nằm đó suy nghĩ mông lung và tâm trí tôi thì nhảy nhót loạn xạ. Rồi tôi không tài nào kiểm soát nổi, tôi lại bắt đầu nghĩ đến Brett và mấy thứ kia cứ tan biến đi đâu hết. Tôi nghĩ về Brett và đầu óc tôi không nhảy nhót loạn xạ nữa, như thể những con sóng bình yên đang vỗ về tôi vậy. Rồi bỗng nhiên tôi bật khóc. Rồi một lúc sau tôi cảm thấy khá hơn và tôi nằm yên trên giường, lắng nghe tiếng xe điện chạy phía xa xa và tiếng động vọng lên từ phía dưới đường, rồi tôi ngủ thiếp đi.

Tôi tỉnh giấc. Có tiếng ồn bên

ngoài. Tôi nghe ngón và tôi nghĩ tôi nhận ra một giọng nói. Tôi khoác áo choàng ngủ vào và đi ra cửa. Bà gác cửa đang nói gì đó dưới nhà. Bà ta xem chừng giận dữ lắm. Tôi nghe thấy tên mình và gọi với xuống.

“Ông Barnes, ông đấy à?” bà gác cửa gọi.

“Vâng. Tôi đây.”

“Có một bà ở dưới này đang đánh thức cả con phố dậy. Sao lại có cái loại người hành xử như thế vào giờ này cơ chứ! Bà ta bảo bà ta phải gặp ông. Tôi bảo với bà ta là ông ngủ rồi.”

Rồi tôi nghe thấy giọng của Brett. Lúc còn ngái ngủ tôi cứ ngỡ

là Georgette. Tôi cũng không hiểu vì sao. Cô ta không thể biết địa chỉ nhà tôi được.

“Bà có thể cho cô ấy lên đây không?”

Brett đi lên cầu thang. Tôi thấy nàng hơi xin. “Thật là ngốc quá,” nàng nói. “Tự nhiên lại âm ỉ hết cả lên. Em bảo này, anh không ngủ đấy chứ?”

“Thế em nghĩ anh đang làm gì?”

“Không biết. Mấy giờ rồi anh?”

Tôi nhìn đồng hồ. Đúng bốn giờ rưỡi sáng. “Em chẳng có khái niệm gì về giờ giấc cả,” Brett nói. “Em ngồi xuống được không? Anh đừng bực, anh yêu. Em vừa chia

tay ông Bá tước. Ông ta đưa em về đây.”

“Ông ta thế nào?” tôi rót brandy với soda vào cốc.

“Một tẹo thôi,” Brett bảo. “Anh đừng chuốc em say đấy. Bá tước á? Ôi, được lắm. Ông ấy là người phe mình đấy.”

“Ông ta có thật là Bá tước không?”

“Thế đấy. Em cho là thật. Dù sao thì cũng xứng. Biết rất nhiều về người đời. Chẳng biết ông ta nhạt nhẽo mấy thứ đấy từ đâu. Sở hữu một lô cửa hàng kẹo ở Mỹ.”

Nàng nhấp một ngụm rượu.

“Hình như ông ta gọi đó là

chuỗi. Hình như thế. Liên kết mọi thứ với nhau. Kể cho em nghe một ít về nó. Thú vị lắm. Ông ta là một người trong bọn mình đấy.Ồ, cũng đại khái. Không còn nghi ngờ gì cả. Ai cũng có thể nhận ra.”

Nàng uống thêm một ly nữa.

“Làm sao mà em lại bận tâm về mấy thứ này chứ nhỉ? Anh không phiền chứ? Ông ta đang dỡ đầu Zizi đấy anh biết không?”

“Thế Zizi có phải là công tước thật không?”

“Em nghi lắm. Mấy gã Hy Lạp, anh biết đấy. Một tay họa sĩ trụy lạc. Em thì thích ông Bá tước hơn.”

“Em với ông ta đi những đâu?”

“Ồ, mọi nơi. Ông ta vừa chở em đến đây. Đề nghị em đi Biarritz⁶⁹ cùng ông ta với mười nghìn đô la. Như thế là bao nhiêu bằng nhỉ?”

“Khoảng hai nghìn.”

“Nhiều tiền thật. Bảo ông ta là em không thể làm vậy. Ông ta rất nhã nhặn về chuyện đó. Bảo ông ta là em biết rất nhiều người ở Biarritz.

Brett cười.

“Em bảo này, anh uống chậm quá,” nàng nói. Tôi chỉ nhấp một ngụm từ ly brandy pha với soda của mình. Tôi hớp một ngụm dài.

“Tốt hơn rồi. Vui lắm,” Brett kể tiếp. “Rồi ông ta muốn em đi

69 Biarritz: thị trấn nghỉ mát ở tây nam nước Pháp, nằm trên Vịnh Biscay.

cùng tới Cannes⁷⁰. Bảo ông ta là em cũng biết rất nhiều người ở Cannes. Monte Carlo⁷¹. Bảo ông ta là em biết quá nhiều người ở Monte Carlo. Bảo ông ta là em biết quá nhiều người ở khắp mọi nơi. Cũng đúng. Nên em bảo ông ta đưa em về đây.”

Nàng ngược nhìn tôi, tay nàng đặt trên bàn, nàng nâng cốc lên. “Đừng nhìn như thế,” nàng nói. “Em bảo ông ta là em yêu anh. Cũng đúng. Anh đừng nhìn em thế. Ông ta cũng chấp nhận chuyện đấy nữa. Ông ta muốn mời bọn mình đi ăn tối mai. Anh muốn đi không?”

70 Cannes: một thành phố ở đông nam nước Pháp, trên Riviera. Đây là thành phố du lịch nổi tiếng với bãi biển đẹp, và là nơi tổ chức Liên hoan phim Cannes.

71 Monte Carlo” một thị trấn ở Monaco; nơi tập trung rất nhiều sòng bạc.

“Sao lại không?”

“Em nên đi thôi.”

“Tại sao?”

“Em chỉ muốn gặp anh thôi. Thật là ngốc quá. Anh có muốn mặc quần áo và xuống dưới nhà không? Ông ta đỗ xe ngay bên đường thôi.”

“Ông Bá tước á?”

“Vâng. Và một tay tài xế mặc chế phục. Ông ta sẽ đưa em đi loanh quanh và dừng bữa sáng ở Bois⁷². Có mấy giỏ đựng trái cây. Mua ở Zelli. Một tá chai Mumms⁷³ nữa. Nghe hay không?”

“Sáng mai anh phải đi làm,” tôi nói. “Anh bị bỏ xa rồi và chẳng

⁷² Bois de Boulogne: một công viên lớn ở Paris.

⁷³ Mumms: một loại rượu champagne

thấy vui gì cả.”

“Đừng có thối thế.”

“Anh không đi được.”

“Được thôi. Anh muốn gửi đến ông ta lời nhắn nhủ thân thương nào không?”

“Gì cũng được. Thật đấy.”

“Ngủ ngon nhé, anh yêu.”

“Đừng có đa cảm nhé.”

“Anh làm em phát ốm.”

Chúng tôi hôn tạm biệt và Brett run rẩy. “Em nên đi thôi,” nàng nói. “Chúc ngủ ngon, anh yêu.”

“Em không phải đi đâu.”

“Có.”

Chúng tôi hôn nhau nơi cầu thang và tôi gọi mở cửa, bà gác cửa lầm bầm lời gì đó đằng sau cánh cửa phòng gác. Tôi quay lại phòng và từ khung cửa sổ để mở tôi thấy Brett đi dọc lên phố tới chỗ một chiếc limousine lớn đang đỗ bên lề đường dưới ánh đèn hồ quang. Nàng bước vào xe và chiếc xe nổ máy. Tôi quay đi. Trên bàn là một chiếc cốc rỗng và một ly còn một nửa rượu brandy với soda. Tôi mang cả hai cái ly ra bếp và đổ chỗ rượu thừa vào bồn rửa. Tôi tắt lò sưởi trong phòng ăn, đá văng dép đi trong nhà và ngồi xuống giường, rồi nằm xuống. Là Brett, khiến tôi muốn khóc. Rồi tôi nghĩ về nàng đi bộ lên phố và bước vào trong xe, như lần cuối cùng tôi thấy nàng, và đương nhiên trong giây lát tôi cảm

thấy như mình đang bơi trong địa ngục. Thật dễ dàng khi tỏ ra cứng cõi vào thời điểm ban ngày, nhưng về đêm thì đó lại là một chuyện khác.

Chương 5



Vào buổi sáng tôi đi bộ xuống Boulevard⁷⁴ tới đường Rue Soufflot⁷⁵ để dùng cà phê và

74 Boulevard St. Michel

75 Rue Soufflot: một con phố chạy từ vườn hoa Luxembourg tới Pantheon.

brioche⁷⁶. Một buổi sáng đẹp trời. Những cây dẻ ngựa trong vườn Luxembourg đang nở hoa rực rỡ. Đó là cảm giác dễ chịu lúc buổi sớm vào một ngày nóng. Tôi đọc báo, uống cà phê rồi hút một điếu thuốc. Người phụ nữ bán hoa đi tới từ phía chợ và bày biện hàng hóa ra quầy. Các sinh viên trên đường tới trường Luật, hoặc xuống Sorbonne⁷⁷. Cả đại lộ đông nghẹt với những xe buýt, xe điện và người đi làm. Tôi bắt chiếc xe buýt tuyến S và đi xuống Madeleine⁷⁸, đứng ở bậc lên xuống cửa cửa sau. Từ Madeleine tôi đi bộ dọc đại

76 brioche: loại bánh mì ngọt hình tròn được làm từ bột mì, bơ, trứng và men nở.

77 Sorbonne: Đại học Bách khoa Paris, nổi tiếng nhất là ngành văn học và khoa học tự nhiên.

78 Madeleine: một nhà thờ nằm đối diện góc đường Rue Royal từ Place de la Concorde, ở bờ bên phải sông Seine.

lộ Boulevard des Capucines⁷⁹ tới Opéra⁸⁰, và lên văn phòng mình. Tôi đi qua người đàn ông với những on ếch đang nhảy múa và một người đàn ông khác với những đồ chơi đấm bốc. Tôi bước sang một bên để tránh đi vào dải dây mà cô trợ lý của anh ta sử dụng để mời chào các tay đấm bốc. Cô ta đang nhìn đi nơi nào khác, dải dây cuộn lại trong tay. Người đàn ông này nỉ hai vị khách du lịch mua hàng

79 Boulevard des Capucines: một đại lộ nối Boulevard de la Madeleine với Place de l'Opera, nằm ở bờ bên phải sông Seine.

80 L'Opera Garnier hay Palais Garnier ("Cung điện Garnier) là một nhà hát opera với 1.979 chỗ ngồi, được xây dựng từ năm 1861 đến năm 1875 cho đoàn Opera Paris. Ban đầu, nhà hát được gọi là Salle des Capucines, do vị trí của tòa nhà là nằm tại đại lộ des Capucines ở quận 9 của Paris, nhưng chẳng bao lâu thì công trình mang tên Palais Garnier, nhằm công nhận sự sang trọng và tôn vinh vị kiến trúc sư của tòa nhà, Charles Garnier. Đoàn Paris Opera bây giờ chủ yếu sử dụng nhà hát Palais Garnier cho trình diễn ballet.

Ba vị khách dừng lại xem. Tôi đi đằng sau một người đàn ông đang ép một ống in mực để in ra ra cái tên CINZANO⁸¹ còn ướt mực trên phần đường dành cho người đi bộ. Tất cả đều hăng say làm việc. Cái cảm giác khi được đi làm thật là dễ chịu. Tôi đi dọc đại lộ và ngoặt vào văn phòng mình.

Trong văn phòng trên lầu tôi đọc báo tiếng Pháp buổi sáng, hút thuốc, rồi ngồi bên máy đánh chữ và có một buổi lao động thành công vào ca sáng. Lúc mười một giờ tôi ra Quai d'Orsay⁸² bằng taxi và bước vào và ngồi với khoảng một tá các tay nhà báo khác, trong khi người phát ngôn của văn

81 Cizano: tên một loại rượu khai vị.

82 Quai d'Orsay: một con đường chạy dọc bờ bên trái sông Seine, nằm ở phía bắc của quận Invalides.

phòng ngoại giao, một anh chàng Nouvelle Revue Française⁸³ trẻ tuổi với chiếc kính đeo mắt bằng gọng sừng trong tay, phát biểu và trả lời các câu hỏi trong khoảng nửa giờ đồng hồ. Vị Chủ tịch Hội đồng đang có buổi diễn thuyết ở Lyons⁸⁴, hoặc có thể ông ta đang trên đường trở về cũng nên. Nhiều người đặt câu hỏi chỉ để được nghe giọng nói của chính mình và chỉ có vài câu hỏi được hỏi bởi những kẻ làm trong ngành dịch vụ tin tức mà muốn biết câu trả lời. Cũng chẳng có gì mới. Tôi ngồi chung xe taxi với Woolsey và Krum rên đường trở về từ Quai d'Orsay.

83 Nouvelle Revue Française: (tiếng Pháp) Chủ nghĩa xét lại kiểu Pháp mới.

84 Lyons: tên tiếng Anh là Lyon. Một thành phố ở phía đông của miền trung nước Pháp, là điểm giao của hai con sông Rhone và Salone.

“Buổi tối anh làm gì hả Jake?”
Krum hỏi. “Tôi chưa bao giờ trông thấy anh cả.”

“Ồ, tôi hay quanh quẩn ở khu Quarter.”

“Thỉnh thoảng tôi cũng có tới đó. Quán Dingo. Nơi đó cũng tuyệt, nhỉ?”

“Ừ. Quán đấy, hoặc địa điểm mới, quán Select.”

“Ý tôi là đi qua thôi,” Krum nói. “Anh biết cuộc sống của kẻ có vợ con rồi đấy.”

“Còn chơi tennis không?”
Woolsey hỏi.

“À, không,” Krum trả lời. “Hầu như năm nay tôi không chơi. Tôi cũng cố xoay, nhưng Chủ nhật thì

toàn mưa, và sân thì đông phát khiếp lên được.”

“Bọn người Anh toàn mức sạch suất ngày thứ Bảy,” Woolsey nói.

“Mấy thằng cha may mắn,” Krum nói. “Ôi, để tôi bảo cậu nghe. Một ngày nào đó tôi sẽ không làm việc cho một hãng nào nữa cả. Rồi tôi sẽ có vô khối thời gian để mà đi đây đó.”

“Đấy cũng là một ý hay. Sống ở nông thôn với một chiếc xe hơi nho nhỏ.”

“Tôi đang cân nhắc về việc kiếm một cái xe vào năm sau.”

Tôi đập vào cửa kính. Người lái xe dừng lại. “Tôi đến nơi rồi,” tôi nói. “Vào làm một ly đi.”

“Cảm ơn, bạn già,” Krum nói. Woolsey lắc đầu. “Tôi phải hoàn thành nốt mấy việc buổi sáng.”

Tôi bỏ đồng hai franc vào tay Krum.

“Anh điên hả Jake,” anh ta nói. “Tôi trả tiền mà.”

“Ôi dào, tiền của cơ quan ấy mà.”

“Không. Tôi muốn trả.”

Tôi vẫy tay tạm biệt. Krum thò đầu ra. “Gặp anh vào bữa trưa ngày thứ Tư nhé.”

“Xong luôn.”

Tôi lên văn phòng bằng thang máy. Robert Cohn đang ngồi đợi

tôi. “Chào Jake,” gã nói. “Đi ăn trưa không?”

“Được. Đợi tôi kiểm tra xem có tin gì mới không nhé.”

“Mình ăn ở đâu?”

“Đâu cũng được.”

Tôi nhìn qua bàn. “Cậu thích ăn ở đâu?”

“Quán Wetzels thì sao? Họ có mấy món hors d'oeuvres⁸⁵ ngon lắm.”

Trong nhà hàng chúng tôi gọi hors d'oeuvres và bia. Người phục vụ bàn mang bia ra, chai bia cao, hơi nước bám đầy thành chai, và lạnh. Ở đó có hàng tá những món hors d'oeuvres khác nhau.

85 hors d'oeuvres: (tiếng Pháp) món khai vị.

“Tôi qua vui không?” tôi hỏi.

“Không. Chán lắm.”

“Việc viết lách thế nào rồi?”

“Tệ lắm. Tôi không viết nổi quyển thứ hai.”

“Điều này vẫn thường xảy ra với tất cả mọi người.”

“Ừ, chắc vậy. Nhưng tôi lo lắm.”

“Cậu còn nghĩ đến việc đi Nam Mỹ nữa không?”

“Tôi có ý đấy đấy.”

“Ồ, thế sao cậu không đi đi?”

“Frances.”

“Ôi,” tôi nói, “cậu đưa cô ta đi cùng luôn.”

“Cô ta không thích đâu. Cô ấy không thích mấy thứ kiểu đấy. Cô ấy thích mọi người ở quanh cơ.”

“Thì cậu cứ bảo cô ta biến đi.”

“Tôi không thể. Tôi có những nghĩa vụ nhất định đối với cô ta.”

Gã hất mấy lát dưa chuột ra và lấy một con cá trích muối.

“Cậu biết gì về Phu nhân Brett Ashley hả Jake?”

“Cô ấy là Phu nhân Ashley. Brett là tên tục của cô ấy. Cô ấy được lắm,” tôi trả lời gã. “Cô ấy đang làm thủ tục ly dị và sẽ kết hôn với Mike Campbell. Hiện giờ anh ta đang ở Scotland. Sao thế?”

“Nàng là một phụ nữ hấp dẫn.”

“Thế ư?”

“Ở cô ấy có một phẩm chất gì đó, một phẩm chất tốt. Cô ấy có vẻ như rất tốt và thẳng thắn.”

“Cô ấy tốt đấy.”

“Tôi không biết phải mô tả phẩm chất ấy thế nào,” Cohn nói. “Tôi nghĩ nó là thiên bẩm.”

“Cậu nói như thể thích cô ấy lắm.”

“Đúng thế. Tôi không nghi ngờ việc tôi yêu cô ấy đâu.”

“Cô ấy say khướt,” tôi nói. “Cô ấy đang yêu Mike Campbell, và sẽ cưới anh ta. Anh ta sắp giàu sụ ấy chứ.”

“Tôi không tin cô ấy sẽ cười hẳn đâu.”

“Tại sao?”

“Tôi cũng không biết nữa. Tôi chỉ không tin thế thôi. Cậu biết cô ấy đã lâu chưa?”

“Rồi,” tôi nói. “Cô ấy là một V.A.D⁸⁶ trong một bệnh viện tôi từng nằm hồi chiến tranh.”

“Hồi đó chắc cô ấy còn nhỏ lắm.”

“Giờ ba mươi tư tuổi rồi.”

“Cô ấy cưới Ashley bao giờ?”

“Hồi còn chiến tranh. Mỗi tình tuyệt đẹp của đời nàng tan vỡ vì căn bệnh ly.”

86 V.A.D (Volunteer Air Detachment): tình nguyện viên của biệt đội không quân

“Lời cậu nói nghe cay đắng quá.”

“Xin lỗi. Tôi không có ý đó. Tôi chỉ cố cho cậu biết sự thật thôi.”

“Tôi không tin là cô ấy sẽ kết hôn với người mà cô ấy không yêu.”

“À,” tôi nói. “Hai lần rồi đấy.”

“Tôi không tin đâu.”

“Dào,” tôi nói, “thế thì đừng có hỏi tôi mấy câu ngớ ngẩn ấy nữa nếu cậu không thích nghe câu trả lời.”

“Tôi không hỏi thế.”

“Thì cậu hỏi tôi biết gì về Brett Ashley còn gì.”

“Nhưng tôi không bảo cậu sĩ nhục cô ấy.”

“Ôi, biến mẹ cậu đi.”

Gã bật dậy với khuôn mặt trắng bệch, gã đứng đó trắng bệch và giận dữ đằng sau mấy cái đĩa khai vị nho nhỏ.

“Ngồi xuống đi,” tôi nói. “Đừng có cư xử như thằng ngốc thế.”

“Cậu rút lại lời ngay.”

“Ôi dời, cậu bỏ mấy cái trò trẻ con mẫu giáo đấy đi.”

“Cậu rút lại lời ngay.”

“Được rồi. Thế nào cũng được. Tôi không biết gì về Brett Ashley cả. Được chưa?”

“Không. Không phải mấy thứ đấy. Về biến mẹ tôi đi cơ.”

“À, cậu đừng biến,” tôi nói. “Cậu hãy ở lại đây. Chúng mình vừa mới bắt đầu bữa trưa mà.”

Cohn mỉm cười và ngồi xuống. Gã có vẻ vui mừng khi ngồi xuống. Gã sẽ làm cái quái gì nếu gã không ngồi xuống cơ chứ? “Cậu nói mấy lời vô lối quá, Jake ạ.”

“Xin lỗi cậu. Cái mồm tôi thối quá. Tôi không có ý gì khi nói mấy lời ấy đâu.”

“Tôi hiểu mà,” Cohn nói. “Cậu là người bạn tốt nhất của tôi đấy, Jake ạ.”

Chúa phù hộ mi, tôi nghĩ. “Cậu quên lời tôi vừa nói đi nhé,” tôi nói to. “Tôi xin lỗi cậu.”

“Được rồi mà. Không sao đâu. Tôi chỉ giận có một chút thôi.”

“Tốt. Mình hãy ăn thêm thứ khác nữa.”

Sau khi ăn xong chúng tôi đi bộ tới quán Café de la Paix và uống cà phê ở đó. Tôi có thể cảm thấy Cohn muốn nói tiếp về Brett, nhưng tôi ngăn gã lại. Chúng tôi nói về thứ này rồi thứ khác, rồi tôi từ biệt gã để quay về văn phòng.

Chương 6

Vào năm giờ tôi có mặt tại khách sạn Crillon đợi Brett. Nàng không ở đó, tôi ngồi lại và viết vài dòng. Thư không được hay lắm nhưng tôi hi vọng chất lượng giấy của Khách sạn Crillon sẽ gã gạc lại đôi chút. Brett không quay về, nên khoảng sáu giờ kém mười lăm tôi xuống quầy bar và làm một ly Jack Rose⁸⁷ với người pha rượu

⁸⁷ Jack Rose: một loại cocktail cổ điển, thịnh hành vào những năm 1920-1930, thành phần gồm có rượu

tên George. Brett không có ở đây, tôi cố gắng tìm nàng trên lầu trên đường ra, và gọi taxi tới quán Café Select. Dọc sông Seine tôi nhìn thấy một dãy xà lan trống không bị kéo lại dưới dòng, rồi nhô lên cao, người lái xà lan lướt qua khi họ tiến tới chỗ cây cầu. Con sông thật đẹp. Bao giờ cũng thật dễ chịu khi đi qua những cây cầu ở Paris.

Chiếc taxi đi vòng quanh bức tượng của người phát minh ra hệ thống tín hiệu, và rẽ sang Boulevard Raspail⁸⁸, rồi tôi ngồi lại để cho phần còn lại của chuyến đi

táo, xi rô lựu, và chanh hoặc nước chanh. Có nhiều đồn đoán về cái tên của loại cocktail này nhưng lời giải thích được chấp nhận rộng rãi nhất là bởi vì nó được chế từ rượu táo và có màu hoa hồng bởi xi rô lựu.

88 Boulevard Raspail: một đại lộ nối Boulevard St. Germain với Boulevard du Montparnasse, nằm ở bờ bên trái của sông Seine.

tới hồi kết thúc. Boulevard Raspail luôn mang lại cảm giác buồn nản mỗi lúc đi qua. Nó giống như một đoạn nhất định trên P.L.M⁸⁹ giữa Fontainebleau⁹⁰ và Montereau⁹¹ mà luôn làm tôi thấy chán ốm và như chết và ngu si dần dần cho tới hồi kết thúc. Tôi đoán đó là một sự liên kết của những ý tưởng mà tạo nên những điểm chết trong một cuộc hành trình. Còn có những con phố khác ở Paris cũng xấu xí như Boulevard Raspail. Đó là những con phố mà tôi chẳng bận tâm nếu

89 P.L.M (Product Life-cycle Management): là quá trình quản lý toàn bộ vòng đời sản phẩm từ khi bắt đầu, thông qua thiết kế kỹ thuật và sản xuất, phục vụ và xử lý các sản phẩm chế tạo.

90 Fontainebleau: một khu dân cư thuộc thủ đô Paris. Cách trung tâm thành phố 55,5 km về phía đông nam.

91 Montereau: thị trấn ở miền bắc nước Pháp, nằm về phía đông nam của Paris nơi con sông Seine chảy qua.

rảo bước qua. Nhưng tôi không thể chịu nổi nếu đi xe qua đó. Có lẽ tôi từng đọc qua về nó vào một lần nào đó. Đó chính là cái cách mà Robert Cohn hiểu về Paris. Tôi tự hỏi nơi Cohn rằng gã thiếu đi mất cái năng lực thưởng thức Paris ấy từ đâu. Có thể là từ Mencken⁹². Mencken ghét Paris, tôi tin chắc. Rất nhiều gã trai trẻ nhiễm cói thói ưa hay không một thứ gì đó từ Mencken.

Xe dừng lại trước cửa Rotonde⁹³. Dù cho anh có yêu cầu bác tài đưa tới quán café nào thuộc Montparnasse từ phái bờ bên phải, họ cứ luôn thả anh xuống trước cửa Rotonde.

92 Mencken H.L. (1880-1956); nhà văn, biên tập viên và là nhà phê bình văn học người Mỹ. Mencken được biết đến là 'Nhà hiền triết Baltimore', được xem là một trong những nhà văn Mỹ có tầm ảnh hưởng nhất trong nửa đầu thế kỷ 20.

93 Rotonde: một quán café mà hiện vẫn còn hoạt động nằm trên đại lộ Boulevard du Montparnasse

Sau này mười năm thì có thể sẽ là quán Dome. Dù sao thì cũng gần thôi. Tôi bước qua mấy cái bàn buồn thiu của quán Rotonde để tới quán Select. Chỉ có vài người ngồi bên quầy bar, ở bên ngoài, ngồi một mình là Harvey Stone. Trước mặt anh là một chồng đĩa nhỏ, râu ria thì xồm xoàm.

“Ngồi đi,” Harvey nói, “tôi đang tìm cậu đây.”

“Sao thế?”

“Không có gì. Chỉ muốn gặp cậu thôi.”

“Anh có đi xem cuộc đua không?”

“Không. Không bắt đầu trước Chủ nhật đâu.”

“Anh có nghe được tin tức gì từ trong nước không?”

“Không. Chẳng có gì cả.”

“Có chuyện gì thế?”

“Tôi không biết nữa. Tôi chán lắm rồi. Tôi từ bỏ hết rồi.”

Anh cúi người về trước và nhìn vào mắt tôi.

“Có muốn biết điều gì không, Jake?”

“Có.”

“Tôi chưa ăn gì năm ngày nay rồi.”

Tôi suy luận nhanh trong đầu. Ba ngày trước Harvey thắng của tôi hai trăm franc khi chơi trò xi súc sắc ở New York Bar.

“Có chuyện gì thế?”

“Không có tiền. Tiền không về,” anh ngừng lại. “Tôi đã bảo cậu là lạ lắm mà, Jake. Những lúc thế này tôi chỉ muốn được một mình thôi. Tôi muốn ở trong phòng. Như lũ mèo ấy cậu ạ.”

Tôi sờ tay vào ví.

“Một trăm franc có giúp gì được cho anh không Harvey?”

“Có chứ?”

“Đi nào. Kiếm cái gì đó ăn thôi.”

“Không cần vội. Mình uống trước đã.”

“Nên ăn thì hơn.”

“Không. Những khi như thế

này tôi không quan tâm tới chuyện ăn lẫn.”

Chúng tôi gọi đồ uống. Harvey đặt cái đĩa⁹⁴ của tôi vào đống của anh.

“Anh có biết Mencken không Harvey?”

“Có. Sao thế?”

“Ông ta thế nào?”

“Cũng được. Gã đó nói mấy thứ buồn cười lắm. Lần trước ăn tối cùng nhau, chúng tôi bàn về Hoffenheimer đấy. ‘Vấn đề là,’ ông ta bảo, ‘ông ấy là một con cá chỉ vàng bịt bít tất.’ Cũng không tệ lắm đâu.”

94 các đĩa nhỏ lót đáy cốc rượu, thường được làm bằng bìa cứng. Bồi bàn sẽ dựa trên số đĩa lót này để tính tiền của khách.

“Quả không tệ.”

“Nhưng giờ thì ông thôi rồi,” Harvey tiếp tục. “Ông ta viết về tất cả những gì ông ta biết, và giờ thì ông ta đang bận tâm về những điều mà ông ta không biết.”

“Chắc là ông ta cũng ổn,” tôi nói. “Nhưng tôi không nuốt nổi mấy thứ ông ta viết.”

“Ồi dào, giờ thì còn ai đọc ông ta nữa,” Harvey nói, “trừ mấy gã từng đọc Alexander Hamilton Institute⁹⁵.”

“Ừ,” tôi nói. “Thứ đấy cũng hay mà.”

“Thì thế,” Harvey nói. Rồi

⁹⁵ Alexander Hamilton Institute: Một học viện ở châu Âu chuyên về đào tạo quản trị kinh doanh.

chúng tôi ngồi và suy nghĩ mông lung mất một lúc.

“Mình gọi thêm rượu port⁹⁶ nhé?”

“Được đó,” Harvey đồng ý.

“Cohn kia,” tôi nói. Robert Cohn đang bước qua đường.

“Cái thằng khờ ấy,” Harvey bảo. Cohn bước đến bên bàn chúng tôi.

“Xin chào mấy anh lười,” gã mở miệng chào.

“Chào Robert,” Harvey nói. “Tôi vừa bảo với bạn Jake đây rằng cậu là một thằng khờ.”

96 rượu port hay porto: một loại rượu vang của Bồ Đào Nha được sản xuất từ vùng Douro Valley ở các tỉnh phía bắc của nước này. Rượu thường có vị ngọt, màu đỏ, và được dùng với món tráng miệng. Các loại thường gặp là rượu vang nguyên chất, nửa nguyên chất, và rượu trắng.

“Ý anh là gì?”

“Cậu trả lời ngay nhé. Không được nghĩ đâu đấy. Cậu sẽ làm gì nếu cậu có thể làm bất kỳ điều gì cậu muốn?”

Cohn bắt đầu suy nghĩ.

“Đừng nghĩ. Cậu phải trả lời ngay.”

“Tôi không biết,” Cohn nói. “Mấy thứ này là sao?”

“Ý tôi là cậu sẽ làm gì. Cái gì xuất hiện trong đầu cậu trước tiên ấy. Dù nó có ngớ ngẩn thế nào cũng được.”

“Làm sao tôi biết được,” Cohn nói. “Tôi nghĩ là tôi sẽ chơi bóng lại với những gì tôi biết được về kiểm soát bản thân, bây giờ.”

“Tôi đánh giá sai cậu rồi,” Harvey nói. “Cậu chẳng khờ tẹo nào cả. Cậu chỉ là một ca kém phát triển thôi.”

“Anh hài hước quá đi mất, Harvey ạ,” Cohn nói. “Ngày nào đó sẽ có người đập vào mặt anh đấy.”

Harvey Stone cười phá lên. “Cậu nghĩ thế à. Không đâu bạn ơi. Bởi vì chẳng nghĩa lý gì đâu. Tôi có phải là kẻ đánh đấm đâu.”

“Sẽ có khác biệt đấy nếu có ai làm như thế.”

“Không đâu, sẽ không như vậy. Cậu sai lầm ở chỗ ấy đấy. Bởi vì cậu kém thông minh quá.”

“Anh thôi ngay.”

“Được thôi,” Harvey nói. “Vớì tôi thì chẳng sao. Cậu chẳng là gì đối vớì tôi cả.”

“Thôi nào, Harvey,” tôi nói. “Làm một ly porto nữa đi.”

“Thôi,” anh trả lời. “Tôi lên phố ăn cái gì đây. Gặp lại sau nhé, Jake.”

Anh đi khỏi và bước ra phố. Tôi nhìn anh sang đường về phía mấy cái taxi đang đậu, bóng hình anh nhỏ bé, nặng nề, chậm chạp giữa những làn xe.

“Anh ta luôn làm tôi bực cả mình,” Cohn nói. “Không tài nào chịu nổi hẳn.”

“Tôi thích anh ấy,” tôi nói. “Anh

ấy thú vị đấy chứ. Cậu không muốn câu với anh ấy đâu.”

“Tôi biết chứ,” Cohn nói.
“Nhưng mà anh ta cứ làm tôi điên lên.”

“Chiều nay cậu ngồi viết à?”

“Không. Tôi không cầm bút nổi. Khó hơn nhiều so với cuốn đầu tiên. Tôi gặp khó quá.”

Loại ý tưởng tự phụ lành mạnh mà gã mang vào người từ khi trở về từ Mỹ đầu mùa xuân này đã ra đi. Rồi gã thành ra tin chắc vào công việc của mình, chỉ còn những khắc khoải cá nhân về chuyến thám hiểm kia. Giờ thì sự chắc chắn cũng ra đi nốt. Tôi có cảm giác như thể tôi chưa chỉ bảo tận tình cho cái gã

Robert Cohn này. Lý là cho tới tận khi gã đâm đầu vào yêu Brett, tôi chưa bao giờ nghe thấy một dấu hiệu nào từ gã rằng gã sẽ, dù theo bất kỳ cách nào, tách mình ra khỏi những kẻ khác. Gã cũng tử tế khi xuất hiện ở sân tennis, gã có một thân hình khỏe khoắn, và gã luôn giữ sao cho nó vừa đúng chuẩn; gã chơi bài cũng tốt, và gã có cả cái mớ phẩm chất khôi hài của một anh sinh viên. Nếu ở lần trong đám đông chẳng có lời nào gã nói lại tỏ ra ấn tượng. Gã luôn mặc cái thứ từng được gọi là áo polo⁹⁷ ở trường học, và có thể đến giờ người ta vẫn còn gọi nso như thế, nhưng gã không phải là một tay

⁹⁷ Áo polo còn được gọi là áo golf hay áo tennis, là loại áo hình chữ T có cổ, và 2-3 khuy cài, có thể có túi ở ngực. Thường được may từ vải nỉ, cotton, hoặc lụa.

sành sỏi trẻ tuổi. Tôi không nghĩ là gã quan tâm nhiều lắm về quần áo của mình. Vẻ bề ngoài của gã được hình thành bởi môi trường ở Princeton. Phần bên trong con người gã được đúc khuôn bởi hai người đàn bà đã tôi luyện nên gã. Gã có cái vẻ vui tươi thân thiện, trẻ con mà không bao giờ biến mất khỏi gã, và tôi có thể đã không tiếp cận được nó. Gã thích giành chiến thắng trên sân tennis. Gã muốn thắng được nhiều như Lenglen⁹⁸. Mặt khác, gã cũng không đến nổi tức giận nếu bị đánh bại. Khi gã yêu Brett, trò tennis đối với gã chỉ còn là chuyện cỏn con. Người ta có thể đánh bại gã dù chưa từng có cơ hội trước đó. Gã khá là dễ chịu với điều này.

98 Suzanne Lenglen (1899-1938); nhà vô địch đấu đơn Wimbledon các mùa giải 1929-1923.

Dù sao, chúng tôi đang ngồi trong sân hiên của quán Café Select, và Harvey Stone vừa mới bước sang đường.

“Ta qua quán Lilas⁹⁹ thôi,” tôi rủ.

“Tôi có hẹn rồi.”

“Máy giờ?”

“Frances sẽ đến đây lúc bảy giờ mười lăm.”

“Cô ấy kia rồi.”

Frances Clyne tiến tới chỗ chúng tôi từ bên bên kia đường. Một cô nàng cao ráo với những bước đi vô cùng duyên dáng. Cô vẫy tay và mỉm cười. Chúng tôi nhìn cô ta sang đường.

⁹⁹ Closerie des Lilas: một quán café ở Paris

“Xin chào,” cô ta nói. “Thật vui vì gặp anh ở đây, Jake. Tôi đang mong anh đây.”

“Chào Frances,” Cohn nói. Gã mỉm cười.

“Ô, chào, Robert. Anh cũng ở đây à?” Cô ta tiếp tục liến thoắng. “Tôi vừa trải qua cơn tổn thương nghiêm trọng. Anh chàng này” – quay đầu về phía Cohn – “không thềm về nhà ăn trưa.”

“Anh không định thế.”

“Ồ, em biết chứ. Nhưng anh chẳng báo gì với chị bếp cả. Rồi em cũng có hẹn, và Paula không có ở văn phòng. Em tới Ritz đợi cô ấy, và cô ta chẳng thềm đến, và dĩ nhiên là em không mang đủ tiền để ăn trưa ở Ritz –”

“Thế em làm gì?”

“Ôi, dĩ nhiên là, em đi.” Cô ta nói với lối vui vẻ giả tạo. “Em luôn đúng hẹn. Thế mà ngày nay thì chẳng ai như thế nữa. Đáng lý ra em phải biết hơn. À, anh thế nào hả Jake?”

“Tôi khỏe.”

“Cái cô đi cùng anh được lắm, thế mà anh lại đi về với cô Brett kia.”

“Em không thích cô ấy à?”
Cohn hỏi.

“Em thấy cô ta hấp dẫn lắm. Anh bảo có đúng không?”

Cohn không nói gì.

“Jake này, tôi muốn nói chuyện

với anh. Anh qua Dome với tôi một lát nhé? Anh ở lại đây nhé, Robert? Đi nào, Jake.”

Chúng tôi qua Đại lộ Montparnasse và ngồi xuống một chiếc bàn. Một cậu bé đi tới với tờ Thời báo Paris, tôi mua lấy một tờ và mở ra.

“Có chuyện gì thế, Frances?”

“Ồ, không có gì đâu,” cô ta nói, “trừ việc anh ta muốn bỏ tôi.”

“Ý cô là sao?”

“Ồ, anh ta nói với mọi người là chúng tôi sẽ kết hôn, và tôi đã thông báo với mẹ tôi và mọi người như vậy, và giờ thì anh ta không muốn nữa.”

“Có chuyện gì vậy?”

“Anh ta quyết định là sống chưa đủ. Tôi biết rồi sẽ như thế khi anh ta đi New York mà.”

Cô ta nhìn lên, đôi mắt sáng quắc và cố gắng không ra vẻ quá tự phụ.

“Tôi sẽ không cưới nếu anh ta không muốn. Dĩ nhiên là tôi không làm thế. Giờ thì tôi sẽ không cưới anh ta vì bất cứ điều gì. Nhưng hình như bây giờ thì quá muộn với tôi rồi, sau khi đợi chờ ba năm, và tôi vừa mới hoàn tất thủ tục ly dị.”

Tôi không nói gì.

“Đáng lý ra phải tổ chức ăn mừng, và thay vì vậy chúng tôi lại thành ra diễn tuồng. Thật là nông

nổi. Thật là một vở tuồng tệ hại, và anh ta khóc và cầu xin tôi biết điều, thế mà anh ta lại nói rằng anh ta không làm được.”

“Thật là gở.”

“Tôi có thể nói đó là thiếu vận may. Tôi đã đợi chờ anh ta những hai năm rưỡi. Và giờ thì tôi không biết liệu có người đàn ông nào còn muốn cưới tôi nữa hay không. Hai năm trước tôi có thể cưới bất kỳ ai tôi muốn, ở Cannes ấy. Mấy ông già muốn cưới mấy cô nàng thời thượng và sống ổn định phát điên lên vì tôi ấy chứ. Giờ thì tôi còn tìm ai được nữa.”

“Chắc chắn là cô có thể cưới bất kỳ ai.”

“Không, tôi không tin đâu. Và tôi vẫn thích anh ta. Và tôi muốn có con nữa. Tôi luôn nghĩ về việc có con.”

Cô ta nhìn tôi bằng ánh mắt sáng rực. “Tôi chưa từng thích trẻ con cho lắm, nhưng tôi không muốn nghĩ rằng tôi sẽ không bao giờ có con. Tôi luôn nghĩ rằng tôi sẽ có chúng và rồi thích chúng.”

“Cậu ta có con rồi.”

“À, vâng. Anh ta có con, anh ta có tiền, và anh ta có một bà mẹ giàu có, anh ta viết văn, và chẳng có ai xuất bản mấy thứ vớ vẩn của tôi cả, không ai hết. Thế thì cũng chẳng tệ lắm. Và tôi thì chẳng có xu nào. Tôi có thể có mấy khoản phụ cấp sau ly hôn, nhưng lại giải

quyết việc ấy nhanh chóng quá.”

Cô ta nhìn tôi sắc lém.

“Như thế là không đúng. Tất cả đều là lỗi của tôi, mà cũng chẳng phải. Đáng lý ra tôi phải biết rõ hơn. Và khi tôi nói chuyện với anh ta thì anh ta chỉ khóc và nói rằng anh ta không thể kết hôn. Sao anh ta lại không thể kết hôn? Tôi sẽ là một người vợ tốt. Tôi rất dễ chịu đựng. Tôi sẽ để anh ta yên. Thế mà cũng chẳng ra đâu vào đâu cả.”

“Tệ quá.”

“Vâng, tệ lắm. Nhưng nói thế cũng chẳng ích gì, nhỉ? Thôi nào, mình quay lại quán café đi.”

“Và đương nhiên tôi không giúp gì được.”

“Không. Chỉ cần anh đừng nói với anh ấy về chuyện này. Tôi biết anh ấy muốn gì.” Lúc này là lần đầu tiên cô tả bỏ thái độ vui tươi khùng khiếp kia đi. “Anh ta muốn một mình quay lại New York, và ở đó khi cuốn sách của anh ta ra lò và sẽ có hàng tá cô ả mê mẩn nó. Đó là điều mà anh ta muốn.”

“Có thể họ sẽ không thích nó. Tôi không cho là cậu ấy là người như thế. Thật đấy.”

“Anh không hiểu anh ấy bằng tôi đâu, Jake ạ. Anh ta muốn thế thật đấy. Tôi biết mà. Tôi biết rõ. Vì thế nên anh ta mới không chịu làm đám cưới với tôi. Anh ta chỉ muốn thắng lớn mùa thu này một mình thôi.”

“Cô có muốn quay lại quán café không?”

“Vâng. Đi thôi.”

Chúng tôi đứng dậy – họ không mang đồ uống ra cho chúng tôi – và bắt đầu sang đường về quán Select, nơi Cohn ngồi đó mỉm cười với chúng tôi sau chiếc bàn đá.

“Ồ, anh cười gì thế?” Frances hỏi gã. “Thấy sung sướng à?”

“Anh cười với em và Jake và cái chuyện bí mật của em.”

“Ô, mấy chuyện em nói với Jake chẳng phải bí mật gì đâu. Rồi mọi người sẽ sớm biết cả thôi. Em chỉ muốn cho Jake biết phiên bản đàng hoàng nhất.”

“Gì đấy? Về chuyện em sắp sang Anh à?”

“Vâng, về việc em sang Anh. Ôi, Jake! Tôi quên bémng mất không kể cho anh. Tôi sắp sang Anh đấy.”

“Tuyệt đấy chứ!”

“Vâng, đấy là điều người ta vẫn thường làm ở những gia đình danh giá nhất. Robert gửi tôi đi. Anh ta sẽ cho tôi hai trăm bảng và rồi tôi sẽ viếng thăm vài người bạn. Như thế không tốt sao? Máy người đó vẫn còn chưa biết vụ này.”

Cô ta quay sang Cohn và cười với gã. Lúc này thì gã không cười.

“Anh sẽ chỉ đưa em một trăm bảng thôi, đúng không, Robert? Nhưng tôi bắt anh ta đưa tôi hai

trăm bảng. Anh ấy hào phóng lắm. Đúng không, Robert?”

Tôi không biết tại sao người ta lại có thể nói những lời kinh khủng như vậy với Robert Cohn. Có những người mà anh không thể nói lời sỉ nhục với họ. Họ cho anh cái cảm giác rằng thế giới này sẽ sụp đổ, sẽ thật sự bị hủy diệt trước mắt anh, nếu như anh nói mấy lời như vậy. Nhưng lúc này Cohn nhận lấy tất. Lúc này, mọi thứ diễn ra ngay trước mắt tôi, và tôi không hề cảm thấy xúc động và cố ngăn lại. Và những gì diễn ra sau đó thì khá khôi hài.

“Làm sao mà em có thể thốt ra những lời như thế hả Frances?” Cohn ngắt lời.

“Nghe anh ta nói kìa. Tôi sẽ sang Anh. Tôi sẽ đi thăm bạn. Anh đã bao giờ đi thăm ai mà họ không muốn gặp anh chưa? Ôi, họ sẽ phải chịu đựng tôi, cũng được thôi. ‘Bạn thân mến, bạn khỏe không? Đã lâu rồi bọn mình mới gặp nhau nhỉ. Mẹ bạn thế nào rồi?’ Vâng, bà mẹ thân mến của tôi thế nào ư? Bà ấy tiêu hết tiền vào mấy cái trái phiếu chiến tranh của Pháp. Đúng thế đấy. Có khi bà ấy là người duy nhất trên đời này làm thế cũng nên. ‘Thế còn Robert?’ hoặc là chúng tôi sẽ nói chuyện rất cẩn trọng về Robert. ‘Bạn thân mến ơi, cậu phải cẩn trọng khi nhắc đến anh ta chứ. Frances tôi nghiệp đây vừa phải trải qua một chuyện buồn lắm.’ Như thế thì có vui không, Robert?”

Anh có nghĩ như thế là vui không, Jake?”

Cô ta quay sang tôi với nụ cười chói lóa. Đối với cô ta có một khán giả như thế này thì thật là thỏa mãn.

“Còn anh thì sẽ đi đâu, Robert? Tất cả là lỗi của tôi, được thôi. Hoàn toàn là lỗi của tôi. Khi tôi khiến anh từ bỏ cô tứ ký bé nhỏ của anh ở tờ tạp chí đáng lý ra tôi cũng phải biết rằng anh sẽ đối xử với tôi như thế chứ. Jake không biết chuyện này nhỉ. Tôi có nên kể cho anh ấy nghe không?”

“Im đi, Frances, vì Chúa.”

“Phải, tôi sẽ kể cho anh ta. Ông Robert đây có một cô thư ký nhỏ

nhỏ ở tòa soạn. Cái thứ ngọt ngào đáng yêu nhất trên đời này ấy, và anh ta cho rằng cô ta rất tuyệt, rồi thì tôi xuất hiện và anh ta lại cho rằng tôi cũng khá tuyệt. Thế là tôi buộc anh a phải từ bỏ cô kia, và anh ta đưa cô nàng tới Provincetown¹⁰⁰ từ Carmel¹⁰¹ khi anh ta chuyển tòa soạn, và anh ta còn chẳng buồn trả tiền cho cô ta quay lại bờ bên kia. Tất cả chỉ để lấy lòng tôi. Anh ta tưởng rằng tôi cũng tạm được. Đúng không, Robert?”

“Anh đừng hiểu nhầm, Jake, chuyện xảy ra với cô thư ký là hoàn toàn trong sáng. Mà thậm chí là

100 Provincetown: một thị trấn ở Cape Cod, Massachusetts.

101 Carmel, California: một thị trấn ở California nằm ở bờ biển phía bắc của Los Angeles. Provincetown và Carmel là hai thị trấn rất cởi mở đối với các nghệ sĩ và nhà văn Mỹ.

còn chẳng trong sáng nữa kìa. Vì chẳng có gì cả, thật đấy. Chỉ là cô ta rất được. Và anh ta chỉ làm thế để vừa lòng tôi. Ôi, tôi đoán là gậy ông đập lưng ông cả thôi. Nói một cách văn vẻ thì là như thế, đúng không? Anh có muốn ghi nhớ điều ấy cho cuốn sách tiếp theo của mình không, Robert?”

“Anh biết đấy Robert đang tìm tư liệu cho cuốn sách mới. Đúng không, Robert? Vì thế nên anh ta mới định thôi tôi. Anh ta quyết định tôi không phù hợp với anh ta. Anh thấy đấy, anh ta bận rộn mọi lúc chúng tôi ở bên nhau, viết trong sách anh ta như thế, đến nỗi mà anh ta chẳng nhớ gì về chúng tôi cả. Nên giờ thì anh ta đi và kiếm nguồn tư liệu mới. Ôi, tôi cũng hi

vọng là anh ta kiếm được thứ gì đấy cho thật thú vị vào.”

“Nghe này, Robert thân mến. Để tôi cho anh biết điều này. Anh không phiền lòng mà, đúng không? Đừng tư tưởng đến mấy cái cô trẻ người non dạ nữa. Anh hãy cố đừng làm vậy. Bởi vì anh không thể thiếu được mấy cái cảnh khóc lóc đâu, và rồi anh sẽ thấy thương cảm cho bản thân anh quá nên anh không thể nhớ nổi những gì người khác nói. Anh không thể nào nhớ nổi những cuộc nói chuyện theo kiểu ấy. Anh cần cố gắng và bình tĩnh nhé. Tôi biết là sẽ khó lắm. Nhưng hãy nhớ đấy, mấy thứ này là dành cho văn chương. Tất cả chúng ta đều phải hi sinh vì văn chương. Nhìn tôi xem. Tôi sẽ đi Anh mà

không có sự bảo vệ. Tất cả là vì văn chương. Chúng ta phải giúp đỡ các nhà văn trẻ. Anh có nghĩ thế không, Jake? Nhưng anh thì không còn là nhà văn trẻ nữa đâu. Đúng không, Robert? Anh ba mươi tư rồi đấy Tôi, thì vẫn cho rằng như thế là quá trẻ đối với một nhà văn giỏi. Hãy nhìn Hardy¹⁰² mà xem. Cả Anatole France¹⁰³ nữa. Ông ta chỉ vừa mới chết thôi. Thế mà, Robert không nghĩ là ông ta có tài cơ đấy. Vài người bạn Pháp của anh ta bảo thế. Mà anh cũng có khá tiếng Pháp đâu. Ông ấy viết không hay bằng anh mà, đúng không, Robert? Anh có nghĩ rằng ông ta đã bao giờ phải

102 Thomas Hardy (1840-1928); tiểu thuyết gia và thi sĩ người Anh.

103 Anatole France: bút danh của Jacques Anatole Francois Thibault (1844-1924); tiểu thuyết gia và nhà phê bình văn học người Pháp.

đi mà tìm lấy tư liệu chưa? Anh đoán ông ta nói gì với mấy bà tình nhân khi ông ta không muốn cưới họ? Tôi thắc mắc là ông ta có khóc không nhỉ? Ôi, tôi vừa nghĩ ra điều này.” Cô ta đặt bàn tay đeo găng lên môi. “Tôi biết lý do thật sự của việc vì sao Robert không buồn cưới tôi, Jake ạ. Tôi vừa mới nghĩ ra thôi. Chúng đến với tôi bằng một linh cảm ở quán Café Select này. Như thế không phải là thần bí lắm sao? Một ngày nào đó họ sẽ dựng ở đây một tấm bảng kỷ niệm ấy chứ. Như ở Lourdes¹⁰⁴ ấy. Anh có muốn biết không, Robert? Để tôi nói cho mà nghe. Đơn giản lắm. Không hiểu vì sao mà tôi chưa từng nghĩ đến nó. Tại sao, anh thấy đấy, Robert luôn

104 Lourdes: một thị trấn ở tây nam nước Pháp nơi mà những tín đồ Thiên chúa giáo La Mã cổ đại chọn làm địa điểm để dưỡng thương, chữa bệnh, v.v

muốn có một ả nhân tình, và nếu anh ta không muốn cưới tôi, thì là bởi vì anh ta đang có một cô như thế. Cô ta chắc phải là nhân tình của anh ta hơn hai năm rồi đấy. Thấy chưa? Và nếu cưới tôi, như anh ta vẫn luôn hứa vậy, thì mối tình lãng mạn chấm dứt. Anh thấy tôi có thông minh không cơ chứ? Đúng vậy. Nhìn anh ta là biết ngay. Anh đi đâu thế, Jake?”

“Tôi phải vào trong xem Harvey Stone một chút.”

Cohn nhìn lên khi tôi đi vào. Mặt gã trắng bệch. Sao gã vẫn còn ngồi đó? Sao gã lại cứ nhẩn nhịn như vậy?

Tôi ngồi xuống bên quầy bar và nhìn ra ngoài, tôi có thể thấy họ qua cửa kính. Frances vẫn còn đang nói, mỉm cười rạng rỡ, nhìn vào mặt gã mỗi lần cô ta hỏi: “Phải vậy không, Robert?” Hoặc có thể là lúc này cô ta không còn hỏi thế. Có thể là cô ta đang nói gì đó khác. Tôi bảo người pha rượu rằng tôi không muốn gọi đồ uống gì cả và đi ra ngoài bằng cửa bên. Khi tôi đi ra khỏi cửa và ngoái lại qua lớp kính dày tôi bọn họ vẫn còn ngồi đó. Cô ta vẫn tiếp tục nó. Tôi đi xuống phố tới đại lộ Raspail. Một chiếc taxi đi tới và tôi ngồi vào và nói địa chỉ căn hộ của tôi với người tài xế.

Chương 7

Khi tôi bước lên lầu bà gác cửa gõ vào cánh cửa kính phòng trực, và bà ta bước ra đúng lúc tôi dừng lại. Bà cầm trên tay mấy bức thư và một bức điện tín.

“Bưu phẩm của ông đây. Và có một bà vừa tới đây tìm ông.”

“Bà ấy có để lại danh thiếp không?”

“Không. Bà ấy đi cùng với một

ông nữa. Cái bà đến đây đêm qua ấy ông ạ. Rồi cuộc tôi thấy bà ấy cũng tử tế.”

“Bà ấy đến cùng với bạn của tôi à?”

“Tôi không biết đâu. Ông ấy chưa tới đây bao giờ cả. Ông ấy to lắm. Rất, rất to ông ạ. Và bà kia thì tốt lắm. Rất, rất tốt ấy chứ. Đêm qua bà ấy, hình như, hơi –” Bà ta đặt tay lên vuốt tóc. “Tôi nói thẳng nhé, ông Barnes. Đêm qua tôi thấy bà ấy không được lịch sự cho lắm. Nên đêm qua tôi có một đánh giá khác về bà ấy. Nhưng như tôi vừa nói với ông. Thì bà ấy très, très gentille¹⁰⁵. Bà ấy hẳn phải xuất

105 très, très gentille: (tiếng Pháp) rất, rất lịch thiệp

thân từ một gia đình có nề nếp. Đây là điều ông có thể thấy.”

“Họ có nhắn lại lời nào không?”

“Có. Họ nói sẽ quay lại sau một tiếng.”

“Bà cho họ lên khi họ tới nhé.”

“Vâng, ông Barnes. Và cái bà kia, bà kia cũng là một nhân vật nào đó đấy nhé. Một người hơi kỳ cục, có thể, nhưng *quellqu'une, quelqu'une*¹⁰⁶!”

Bà gác cửa, trước khi hành nghề gác cửa, từng mở một cửa hàng bán đồ uống với giá cả phải chăng ở trường đua ngựa Paris. Con đường sự nghiệp của bà ta gặp trắc trở bởi các quy định mới của

106 *quellqu'une, quelqu'une*: (tiếng Pháp) một nhân vật nào đó

pháp luật, nhưng bà vẫn để mắt tới những hạng người có trọng lượng, mà thường là người đến từ một gia đình nề nếp, những người có chơi thể thao, hay những người biết nói tiếng Pháp đúng điệu. Vấn đề duy nhất nảy sinh là những người không thuộc vào các loại này chắc chắn sẽ được thông báo rằng người mà họ cần gặp không có nhà, chez Barnes [chez Barnes: (tiếng Pháp) cái nhà ông Barnes] ấy. Một người bạn của tôi, một họa sĩ ốm đỏi, người rõ ràng đối với bà Duzinell đây là vừa không được nuôi dạy tử tế, vừa không xuất thân từ gia đình nề nếp, hay là một người có chơi thể thao, đã viết cho tôi một lá thư mà hỏi thăm rằng liệu tôi có khả năng xoay xở giúp anh một tờ giấy phép để qua được ải của bà gác cửa

và anh có thể thỉnh thoảng lên nhà thăm tôi vào buổi tối không.

Tôi đi lên gác mà phân vân không biết Brett đã làm gì với bà gác cửa. Bức điện xuyên đại dương đến từ Bill Gorton, thông báo rằng anh đang tới Pháp. Tôi đặt thư lên bàn, quay vào phòng ngủ, cởi quần áo và tráng qua người. Tôi đang xát xà phòng thì nghe thấy tiếng chuông cửa vang lên. Tôi khoác vào chiếc áo choàng tắm và xỏ đôi dép đi trong nhà rồi đi ra cửa. Đó là Brett. Phía sau nàng là ông Bá tước. Ông ta ôm một bó hồng to.

“Chào anh yêu,” Brett chào.
“Anh mời bọn em vào chứ?”

“Mời vào. Anh vừa tắm xong.”

“Anh đúng là một gã may mắn. Lại còn được tắm táp nữa cơ đấy.”

“Dội người thôi ấy mà. Mời ông ngồi, Bá tước Mippipopolous. Các vị dùng gì nhỉ?”

“Tôi không biết là ông có thích hoa hồng không, thưa ông,” ông Bá tước nói, “nhưng tôi cứ mạn phép mang hoa tới.”

“Nào, đưa chúng cho tôi.” Brett đón lấy bó hoa. “Anh cho em xin tí nước nào, Jake.” Tôi đổ đầy nước vào chiếc bình gốm lớn trong phòng bếp, và Brett cắm hoa hồng vào đó, rồi đặt chúng lên chính giữa bàn ăn.

“Em bảo này. Hôm nay bọn em có một ngày rất tuyệt.”

“Em không nhớ gì về cuộc hẹn với anh ở Crillon à?”

“Không. Mình có hẹn nhau à? Chắc là lúc ấy em say quá.”

“Bạn quả đã hơi say quá, bạn thân mến ạ,” ông Bá tước nói.

“Thế ư? Còn ngài Bá tước đây thì là là người vô cùng tốt, thực sự đấy.”

“Em vừa làm thay đổi quan điểm của bà gác cửa đấy.”

“Ôi phải thế thôi. Đưa cho bà ta hai trăm franc rồi.”

“Đừng có đại ngốc thế.”

“Tiền của ông ấy đấy,” nàng nói, và hát đầu về phía ông Bá tước.”

“Tôi nghĩ chúng tôi phải đưa cho bà ta một ít vì vụ âm ỉ đêm qua. Lúc ấy đã khuya quá mà.”

“Ông ấy tuyệt lắm,” Brett nói. “Ông ấy nhớ hết mọi chuyện.”

“Bạn cũng vậy, bạn thân mến.”

“Tuyệt vời,” Brett nói. “Ai lại muốn thế chứ? Em bảo này, Jake, mình có thể làm một ly không?”

“Em lấy rượu nhé anh phải thay quần áo cái đã. Em biết chỗ rồi nhỉ.”

“Lại chả.”

Trong khi tôi thay quần áo tôi nghe thấy tiếng Brett đặt cốc xuống bàn và rời cái chai đựng nước soda, rồi tôi nghe thấy tiếng họ

nói chuyện. Tôi chậm chạp khoác đồ vào, ngồi xuống bên giường. Tôi cảm thấy mệt mỏi và khá khó chịu. Brett bước vào phòng, với chiếc cốc trong tay, và ngồi xuống giường.

“Có chuyện gì thế, anh yêu? Anh thấy chóng mặt à?”

Nàng hôn nhẹ lên trán tôi.

“Ôi, Brett, anh yêu em lắm.”

“Anh yêu,” nàng nói. Rồi sau đó: “Anh có muốn em bảo ông ấy đi không?”

“Không. Ông ta tử tế lắm.”

“Em sẽ bảo ông ta đi đâu đó.”

“Không, em đừng làm thế.”

“Có chứ, em sẽ bảo ông ấy.”

“Em không làm thế được đâu.”

“Em không làm được á? Anh cứ ở đây nhé. Ông ấy phát điên lên vì em đấy, em nói cho mà biết.”

Nàng đi ra khỏi phòng. Tôi nằm úp mặt xuống giường. Tôi cảm thấy thật tệ. Tôi nghe thấy tiếng họ nói nhưng không lắng nghe. Brett đi vào và ngồi xuống giường.

“Tội nghiệp anh yêu.” Nàng vuốt tóc tôi.

“Em nói gì với ông ta?” tôi nằm quay mặt khỏi nàng. Tôi không muốn nhìn thấy nàng.

“Em bảo ông ấy đi mua champagne. Ông ấy thích mua

champagne lắm.”

Rồi sau đó: “Anh đã thấy đỡ hơn chưa, anh yêu? Đầu anh có đỡ đau hơn không?”

“Đỡ nhiều rồi.”

“Anh cứ nằm yên nhé. Ông ấy đi sang tận đầu kia thành phố cơ.”

“Sao mình không thể sống chung hả Brett? Mình không thể chỉ đơn giản cùng sống với nhau thôi sao?”

“Em không nghĩ thế đâu. Em sẽ chỉ tromper [tromper: (tiếng Pháp) lừa dối] anh với người khác thôi. Anh sẽ không chịu đựng nổi đâu.”

“Lúc này anh chịu được.”

“Sẽ khác, Jake ạ. Là lỗi của em cả. Con người em là như thế.”

“Mình không thể đi về miền quê một thời gian sao?”

“Như thế cũng chẳng ích gì. Em sẽ đi nếu anh muốn. Nhưng em không thể sống lặng lẽ ở nông thôn được. Không phải là với người em thực yêu.”

“Anh biết.”

“Như thế có phải là tệ lắm không? Việc em nói rằng em yêu anh chẳng có nghĩa gì cả.”

“Em biết là anh yêu em mà.”

“Thôi mình đừng nói nữa. Nói toàn chuyện bậy. Em sẽ xa anh một thời gian, và Michael cũng sắp quay về.”

“Sao em lại đi.”

“Điều ấy tốt cho anh. Tốt cho cả em nữa.”

“Bao giờ thì em đi?”

“Ngay khi em có thể.”

“Em đi đâu?”

“San Sebastian [San Sebastian: một cảng biển thuộc vùng Basque thuộc miền bắc Tây Ban Nha.]”

“Mình không thể đi cùng nhau được à?”

“Không. Đây là một ý cực tẻ, nhất là khi mình đã nói tới nó.”

“Bọn mình chẳng bao giờ đồng ý với nhau được điều gì.”

“Ôi, anh cũng hiểu chuyện giống

như em mà. Anh đừng bướng nữa, nhé, anh yêu.”

“Ôi, thôi được rồi,” tôi nói. “Anh biết là em đúng. Anh chỉ cảm thấy hơi yếu, và khi yếu thì anh nói chuyện như một thằng ngốc ấy.”

Tôi ngồi dậy, cúi xuống, tìm được đôi giày bên cạnh giường và xỏ chân vào. Tôi đứng dậy.

“Anh đừng như thế, anh yêu.”

“Em muốn anh phải như thế nào?”

“Ôi, anh đừng ngốc nữa. Ngày mai em sẽ đi.”

“Mai?”

“Vâng. Em chưa nói với anh à? Mai em đi.”

“Thế thì mình làm một ly đi. Ông Bá tước sắp quay lại rồi.”

“Vâng. Ông ta nên quay về rồi đấy. Anh biết không ông ta xem trọng vụ mua champagne lắm. Nó có ý nghĩa rất lớn với ông ấy.”

Chúng tôi đi vào bếp. Tôi lấy ra chai brandy và rót một ly cho Brett và một cho tôi. Rồi có tiếng chuông cửa vang lên. Tôi bước ra cửa và đó là ông Bá tước. Đằng sau ông ta là người lái xe đang ôm một giỏ champagne.

“Tôi nên bảo anh ta đặt nó ở đâu, thưa ông?” ông Bá tước hỏi tôi.

“Ở trong bếp,” Brett trả lời.

“Đặt nó ở đó, Henry,” ông Bá

tước ra lệnh. “Bây giờ anh xuống nhà và mang đá lên đây.” Ông ta đứng nhìn theo cái giỏ được mang vào sau cánh cửa bếp. “Tôi nghĩ ông sẽ thấy rằng rượu này rất ngon,” ông ta nói.

“Tôi biết là ta không có nhiều cơ hội cho lắm để đánh giá về rượu ngon lúc này ở Mỹ, nhưng tôi mua chúng từ một người bạn là chuyên gia trong ngành.”

“Ôi, ông luôn quen biết người trong nghề,” Brett nói.

“Đích thân anh ta trông nho đấy. Anh ta trông hàng nghìn mẫu nho.”

“Tên của ông ấy là gì vậy?” Brett hỏi. “Veuve Cliquot¹⁰⁷?”

107 Veuve Cliquot: tên một loại rượu champagne.

“Không phải,” ông Bá tước trả lời. “Mumms¹⁰⁸. Anh ta là tay trùm đây.”

“Như thế không tuyệt sao,” Brett nói. “Tất cả chúng ta đều có danh phận. Sao anh không có lấy một chức danh, hả Jake?”

“Tôi cam đoan với ông, thưa ông,” ông Bá tước đặt tay lên cánh tay tôi. “Nó chẳng mang lại điều gì cho ta cả đâu. Trong hầu hết trường hợp nó chỉ khiến ông mất tiền mà thôi.”

“Ồ, tôi chẳng biết. Nhưng nhiều lúc thì có ích lắm chứ,” Brett nói.

“Tôi thì chưa bao giờ thấy nó có lợi cho tôi cả.”

108 Mumms: tên một loại champagne khác.

“Đấy là vì ông không tận dụng nó đúng cách đấy thôi. Tôi thì kiếm được cả một tá lợi từ nó.”

“Ông ngồi đi, Bá tước,” tôi nói. “Để tôi mở rượu cho.”

Ông Bá tước nhìn Brett qua chiếc bàn dưới ánh đèn gas. Nàng đang hút một điếu thuốc và vẩy tàn thuốc xuống thảm trải sàn. Nàng nhìn thấy tôi đang nhìn nàng. “Jake này, em không muốn làm hỏng thảm nhà anh đâu nhé. Anh cho em mượn cái gạt tàn được không?”

Tôi tìm thấy mấy cái gạt tàn và bày chúng ra. Người lái xe xuất hiện với một xô đầy đá muối. “Đặt hai chai rượu vào, Henry.” ông Bá tước dặn.

“Ngài còn cần gì nữa không ạ?”

“Không. Anh đợi dưới xe đi.” Ông ta quay sang Brett và tôi. “Chúng ta sẽ lái tới Bois để dùng bữa nhé?”

“Nếu ông muốn,” Brett nói. “Tôi không nuốt được thứ gì cả.”

“Tôi thì luôn thích ăn ngon,” Bá tước nói.

“Tôi có cần mang rượu lên không, thưa ngài?” người lái xe hỏi.

“Ừ. Mang lên đây đi, Henry.” Bá tước nói. Ông ta lấy ra một hộp xì gà nặng trĩch làm bằng da lợn và mời tôi. “Ông muốn thử xì gà Mỹ thứ thiệt không?”

“Cảm ơn ông,” tôi nói. “Tôi hút nốt điếu này đã.”

Ông ta cắt bỏ phần đuôi của điếu xì gà bằng một mũi dao bằng vàng được buộc vào cái dây đeo đồng hồ.

“Tôi thích xì gà phải thật nguyên chất,” Bá tước nói. “Một nửa số xì gà ông hút không phải là thứ nguyên chất đâu.”

Ông ta châm điếu xì gà, thổi vào nó, nhìn Brett từ phía bên kia bàn. “Và khi bạn ly dị, Phu nhân Ashley, thì bạn không còn tước hiệu nữa.”

“Đúng vậy. Thật là đáng tiếc.”

“Không phải đâu,” Bá tước nói. “Bạn không cần tới một thương

hiệu. Bản thân bạn đã là đẳng cấp rồi.”

“Cảm ơn ông. Ông thật tử tế quá.”

“Tôi không đùa bạn đâu,” Bá tước nhả ra một vòng khói. “Bạn có phong thái hơn bất kỳ ai mà tôi từng gặp. Bạn có cái tố chất ấy. Thế thôi.”

“Ông thật tốt,” Brett nói. “Mẹ tôi sẽ hài lòng lắm. Ông có thể viết câu ấy ra không, rồi tôi sẽ gửi nó cho bà qua đường bưu điện.”

“Tôi cũng sẽ nói với bà ấy như vậy,” ông Bá tước nói. “Tôi không đùa bạn đâu. Tôi không bao giờ đùa cợt kẻ khác. Cứ đùa cợt người ta rồi anh sẽ chuốc lấy kẻ thù. Đó là

những gì mà tôi vẫn thường nói.”

“Ông nói đúng,” Brett nói. “Ông nói đúng quá. Tôi luôn đùa cợt người khác và tôi chẳng có bạn bè gì cả. Trừ anh Jake đây.”

“Bởi vì bạn không đùa cợt ông ấy.”

“Thì thế.”

“Thế còn bây giờ thì sao?” Bá tước hỏi. “Giờ bạn có trêu ông ấy không?”

Brett nhìn tôi và nháy mắt.

“Không đâu,” nàng nói. “Tôi sẽ không trêu anh ấy.”

“Bạn thấy chưa,” ông Bá tước nói. “Bạn đâu có đem ông ấy ra làm trò đùa.”

“Mấy cái chuyện này ngớ ngẩn quá đi,” Brett nói. “Mình làm tí champagne nhé?”

Ông Bá tước cúi xuống và xoay vòng các chai trong cái giỏ sáng bóng. “Rượu vẫn chưa đủ lạnh. Bạn thân mến này, bạn lúc nào cũng uống vậy. Sao bạn không chỉ nói chuyện thôi?”

“Tôi nói quá nhiều rồi ấy chứ. Tôi cũng nói hết cả phần của Jake luôn.”

“Tôi rất thích nghe bạn nói chuyện đấy, bạn thân mến ạ. Khi nói chuyện với tôi bạn chẳng bao giờ nói hết câu cả.”

“Tôi đợi ông kết thúc chúng mà. Cứ để cho ai đó kết thúc chúng như ý muốn.”

“Quả là một quan điểm thú vị,” ông Bá tước cúi xuống và xoay mấy chai rượu. “Nhưng thi thoảng tôi vẫn muốn được nghe bạn nói.”

“Chẳng phải ông đây ngốc lắm sao?” Brett hỏi.

“Giờ thì,” ông Bá tước nhắc một chai lên. “Tôi nghĩ là rượu đã được rồi.”

Tôi lấy ra một cái khăn tắm và ông ta lau khô vỏ chai và nâng nó lên. “Tôi thích uống những chai champagne lớn. Rượu ngon hơn hẳn nhưng làm lạnh chúng thì công phu quá.” Ông ta ngắm chai rượu đang cầm trong tay. Tôi lấy ra mấy cái ly.

“Tôi bảo này. Ông nên mở nó ra thôi,” Brett gợi ý.

“Vâng, bạn thân mến. Tôi mở nó ra ngay đây.”

Đúng là champagne thượng hạng.

“Thế này mới đúng là rượu chứ,” Brett nâng cốc lên. “Chúng ta phải uống mừng chứ nhỉ. ‘Vì vương vị.’”

“Bạn thân mến ơi, rượu này quá là ngon cho mấy trò chúc mừng. Bạn sẽ không muốn pha trộn cảm xúc với thứ rượu như thế này đâu. Bạn sẽ đánh mất vị giác đấy.”

Ly của Brett sạch bách.

“Ông phải viết một cuốn sách về rượu thôi, Bá tước ạ,” tôi nói.

“Ông Barnes ơi,” ông Bá tước trả lời, “tất cả những gì tôi muốn ở rượu chỉ là thưởng thức chúng mà thôi.”

“Ta nên thưởng thức thêm một chút cái thứ này nữa,” Brett đẩy cái ly của nàng về phía trước. Ông Bá tước rót rượu vào ly vô cùng cẩn thận. “Đây, bạn thân mến. Giờ thì bạn nên thưởng thức chậm chậm nhé, rồi thì bạn có thể say.”

“Say ư? Say á?”

“Bạn thân mến, khi say bạn quỵến rũ lắm.”

“Nghe ông ta nói này.”

“Ông Barnes,” ông Bá tước rót đầy rượu vào ly của tôi. “Quý cô đây là người phụ nữ duy nhất tôi

từng biết mà khi quá chén nàng cũng quyến rũ như lúc không say.”

“Ông chưa đi nhiều lắm, đúng không?”

“Vâng, bạn thân mến ời. Tôi đã đi nhiều lắm rồi. Tôi đã nếm trải mùi đời nhiều nhất có thể ấy chứ.”

“Ông uống đi,” Brett nói. “Chúng ta đều đã đi đó đi đây cả. Tôi dám cá là anh Jake đây cũng đã nhìn đời nhiều như ông vậy.”

“Bạn thân mến ời, tôi biết là ông Barnes đã thấy rất nhiều rồi. Xin đừng nghĩ rằng tôi không cho là vậy, thưa ông. Tôi cũng đã thấy nhiều rồi mà.”

“Dĩ nhiên là vậy rồi, bạn thân

mến,” Brett nói. “Tôi chỉ trêu ông thôi.”

“Tôi đã trải qua bảy cuộc chiến tranh và bốn cuộc cách mạng rồi cơ đấy,” ông Bá tước nói.

“Ông đi lính ư?” Brett hỏi.

“Đôi khi, bạn thân mến. Và tôi có một vết thương do tên bắn đấy. Bạn đã bao giờ thấy vết thương kiểu đấy chưa?”

“Cho tôi xem nào.”

Ông Bá tước đứng dậy, cởi khuy áo vest, và rồi cởi áo sơ mi ra. Ông ta kéo chiếc áo chèn lên tận ngực và đứng thẳng, ngực ông ta đen, và cơ bụng to lộ ra dưới ánh đèn.

“Bạn có thấy không?”

Bên dưới xương sườn của ông ta là hai vết sẹo dài màu trắng. “Nhìn sau lưng tôi mà xem đường ra của mũi tên.” Phần lưng cũng có hai vết thương giống như vậy, sẹo lồi lên và dày cỡ một ngón tay.

“Tôi bảo này. Đúng là ấn tượng.”

“Xuyên hẳn qua đấy.”

Ông Bá tước nhét lại áo vào quần.

“Ông bị mấy vết này ở đâu?” tôi hỏi.

“Ở Abyssinia [Abyssinia: tên gọi trước đây của Ethiopia.]. Hồi ấy tôi hai mươi một tuổi.”

“Ông làm gì ở đó?” Brett hỏi.
“Ông gia nhập quân đội chẳng?”

“Bạn thân mến ơi, khi ấy tôi đang trên đường đi buôn.”

“Em đã bảo anh ông ấy là người phe mình mà. Đúng không nào?” Brett quay sang tôi. “Tôi yêu ông rồi đấy, Bá tước. Ông đúng là đáng yêu quá.”

“Bạn làm tôi cảm thấy rất hạnh phúc, bạn thân mến ạ. Nhưng bạn nói không đúng rồi.”

“Đừng khó chịu như vậy chứ.”

“Ông thấy đấy, ông Barnes, đấy là bởi vì tôi đã sống quá nhiều nên giờ đây tôi có thể tận hưởng mọi thứ theo một cách tuyệt vời nhất có thể. Ông có nghĩ thế không?”

“Vâng. Hoàn toàn đồng ý.”

“Tôi biết mà,” ông Bá tước nói.
“Bí mật nằm ở chỗ ông phải hiểu được các giá trị.”

“Chẳng lẽ không có gì xảy ra đối với hệ giá trị của ông ư?” Brett hỏi.

“Không. Không còn xảy ra như thế nữa.”

“Chưa từng yêu ai ư?”

“Luôn luôn,” ông Bá tước trả lời. “Tôi luôn yêu.”

“Nó có nghĩa gì đối với hệ giá trị của ông vậy?”

“Cái đó, cũng có một chỗ đứng nhất định trong hệ giá trị của tôi.”

“Ông chẳng có cái giá trị nào cả. Ông chết rồi, thế thôi.”

“Không, bạn thân mến ời. Bạn nói thế là không đúng rồi. Tôi không hề chết tí nào cả.”

Chúng tôi uống hết ba chai champagne và ông Bá tước để lại chiếc giỏ trong căn bếp. Chúng tôi ăn tối tại một nhà hàng trong rừng Bois. Đó là một bữa tối ngon lành. Thức ăn có một vị trí vô cùng trọng đại trong hệ giá trị của ông Bá tước. Cũng như rượu vậy. Ông Bá tước rất nhã nhặn trong suốt bữa ăn. Brett cũng vậy. Đó là một bữa tối dễ chịu.

“Các bạn muốn đi đâu?” ông Bá tước hỏi sau bữa tối. Chúng tôi là những thực khách cuối cùng còn lại trong nhà hàng. Hai người phục vụ đang đứng bên cửa ra vào. Họ muốn được về nhà.

“Có thể là ta sẽ lên đồi,” Brett nói. “Chẳng phải là ta đã có một bữa tiệc hoành tráng ư?”

Ông Bá tước cười rạng rỡ. Ông ta trông rất hạnh phúc.

“Các bạn là những con người tử tế,” ông nói. Ông ta lại hút một điếu xì gà. “Tại sao hai người không cưới nhau nhỉ?”

“Tôi muốn tự làm chủ đời mình,” tôi trả lời.

“Chúng tôi có sự nghiệp riêng,” Brett nói. “Đi nào. Ra khỏi đây thôi.”

“Mình hãy dùng thêm brandy,” ông Bá tước nói.

“Hãy dùng nó khi lên tới trên đồi.”

“Không. Mình hãy dùng nó ở đây khi mà yên tĩnh thế này.”

“Ông và cái sự yên tĩnh của ông,” Brett nói. “Đàn ông thấy gì về việc yên lặng nhỉ?”

“Chúng tôi thích nó chứ,” ông Bá tước nói. “Cũng giống như bạn yêu sự náo nhiệt vậy, bạn thân mến.”

“Được thôi,” Brett nói. “Thì làm một ly vậy.”

“Anh bồi!” ông Bá tước gọi.

“Vâng, thưa ngài.”

“Chai brandy lâu năm nhất mà các anh có là chai nào?”

“1811, thưa ngài.”

“Mang cho chúng tôi một chai.”

“Tôi bảo này. Đừng phô trương thế. Anh ngăn ông ấy đi, Jake.”

“Nghe này, bạn thân mến. Tôi đặt nhiều giá trị trên tiền của tôi cho rượu brandy lâu năm hơn là những thứ đồ cổ khác đấy.”

“Ông sưu tầm đồ cổ sao?”

“Tôi có đầy một nhà.”

Cuối cùng chúng tôi cũng tới Montmartre. Bên trong Zelli đông nghẹt người, khói thuốc, và tiếng ồn. Âm nhạc bao vây lấy anh khi anh bước vào. Brett và tôi chảy cùng nhau. Sàn nhảy đông đến mức chúng tôi gần như kẹt cứng. Tay trống da đen vẫy chào Brett.

Chúng tôi bị bắt bị bắt gặp giữa đám đông, ngay trước mặt anh ta.

“Bà khỏe không?”

“Tuyệt lắm.”

“Tô-ô-ố-t lắm.”

Mặt anh ta chỉ toàn răng và môi.

“Anh ta là một người bạn tốt,” Brett giải thích. “Một tay trống cừ.”

Nhạc dừng lại và chúng tôi đi về bàn nơi ông Bá tước đang ngồi. Rồi nhạc lại nổi lên và chúng tôi lại nhảy. Tôi nhìn về phía ông Bá tước. Ông ta ngồi bên bàn và hút một điếu xì gà. Nhạc lại ngừng lần nữa.

“Mình ra kia thôi.”

Brett quay trở lại bàn. Nhạc nổi lên và chúng tôi lại tiếp tục nhảy, chen chúc trong đám đông.

“Anh là một vũ công tồi, Jake ạ. Michael là vũ công tuyệt vời nhất mà em biết.”

“Anh ấy rất xuất sắc.”

“Anh ấy cũng có ưu điểm mà.”

“Anh thích anh ấy,” tôi nói. “Anh rất thích anh ấy.”

“Em sẽ cưới anh ấy,” Brett nói. “Cũng buồn cười thật. Cả một tuần rồi em chẳng nhớ gì đến anh ấy.”

“Em không viết thư à?”

“Không phải em. Chẳng bao giờ viết thư cả.”

“Anh cá là anh ấy có viết thư cho em.”

“Đúng thế. Thư hay lắm.”

“Khi nào thì em kết hôn?”

“Làm sao em biết được? Ngay sau khi em hoàn tất thủ tục ly dị. Michael đang cố nhờ mẹ anh ấy can thiệp vào.”

“Anh giúp gì được không?”

“Đừng ngốc nữa. Người như Michael có hàng đồng tiền.”

“Nhạc dừng. Chúng tôi đi về bàn. Ông Bá tước đứng dậy.

“Rất hay,” ông ta khen ngợi.
“Các bạn trông rất, rất tuyệt.”

“Ông không nhảy à, Bá tước?”
tôi hỏi.

“Không. Tôi già quá rồi.”

“Ôi, thôi mà,” Brett nài.

“Bạn thân mến ơi, tôi sẽ làm thế nếu như tôi có thể tận hưởng nó. Nhưng tôi muốn được ngắm các bạn nhảy hơn.”

“Tuyệt vời,” Brett nói. “Thỉnh thoảng tôi sẽ lại nhảy nữa cho ông xem. Tôi bảo này. Thế còn anh bạn nhỏ Zizi của ông?”

“Để tôi cho bạn biết. Tôi đang nâng đỡ thằng nhỏ, nhưng tôi không thích hấn quần chân.”

“Anh ta khá là kiên trì đấy.”

“Bạn biết đấy tôi nghĩ thằng nhỏ cũng có tương lai. Nhưng cá nhân tôi thì không muốn có thằng nhỏ lóc chóc theo mình.”

“Jake cũng thế.”

“Hắn cứ làm tôi thấy khó chịu
sao đó.”

“Ồ,” ông Bá tước nhún vai. “Về
tương lai của thằng nhỏ thì cũng
chẳng nói chắc được. Dù sao thì,
cha thằng nhỏ cũng là bạn thân
của cha tôi.”

“Thôi nào. Mình ra nhảy đi,”
Brett nói.

Chúng tôi nhảy. Đông đúc và
chật chội.

“Ôi, anh yêu,” Brett nói, “em
thấy khổ quá.”

Tôi có cảm giác như đã từng trải
qua chuyện này trước đó. “Em vừa
mới hạnh phúc một phút trước cơ
mà.”

Tay trống hét lên: “Bạn không thể lần thứ hai—”

“Tất cả đều qua rồi.”

“Có chuyện gì thế?”

“Em không biết. Em chỉ thấy tệ quá.”

“...” tay trống hát với thứ gia điệu đều đều. Rồi quay lại với mấy cái dùi trống.

“Muốn đi chưa?”

Tôi có cảm giác như đang trải qua cơn ác mộng bởi mọi thứ dường như được lặp lại, những điều mà tôi đã từng trải qua và giờ lại phải trải qua chúng thêm một lần nữa.

“...” tay trống hát điệu dàng.

“Đi thôi,” Brett nói. “Anh chẳng bận tâm mà.”

“...” tay trống hét lên và cười với Brett.

“Được rồi,” tôi nói. Chúng tôi rời khỏi đám đông. Brett tới phòng gửi quần áo.

“Brett muốn đi,” tôi nói với ông Bá tước. Ông ta gật đầu. “Thế à? Cũng được. Các bạn lấy xe đi nhé. Tôi ngồi lại đây một lát đã, ông Barnes ạ.”

Chúng tôi bắt tay nhau.

“Tối nay tuyệt quá,” tôi nói. “Tôi mong ông cho phép tôi nhé.” Tôi rút một tờ tiền ra khỏi ví.

“Ông Barnes, đừng lố bịch thế,” ông Bá tước từ chối.

Brett bước tới với áo khoác trong tay. Nàng hôn ông Bá tước và đặt tay lên vai ông ta để ngăn ông ta đứng dậy. Khi chúng tôi bước ra cửa tôi nhìn lại và thấy ba cô gái đang ngồi cùng bàn với ông ta. Chúng tôi ngồi vào chiếc xe lớn ấy. Brett nói cho người lái xe địa chỉ khách sạn của nàng.

“Không, anh đừng lên trên ấy,” nàng nói khi về tới khách sạn. Nàng rung chuông và cánh cửa được mở ra.

“Thật ư?”

“Không. Xin anh.”

“Chúc em ngủ ngon, Brett,” tôi nói. “Anh rất tiếc nếu em thấy buồn.”

“Chúc ngủ ngon, Jake. Chúc ngủ ngon, anh yêu. Em sẽ không gặp anh nữa.” Chúng tôi đứng hôn nhau bên cửa ra vào. Nàng đẩy tôi ra. Chúng tôi lại hôn nhau lần nữa. “Ôi, đừng!” Brett nói.

Nàng quay đi thật nhanh và bước vào trong khách sạn. Người lái xe chở tôi về căn hộ. Tôi đưa anh ta hai mươi franc và anh ta kéo mũ chào và nói: “Chúc ngài ngủ ngon,” và lái xe đi. Tôi nhấn chuông. Cánh cửa mở ra và tôi bước lên lầu và lên giường.

